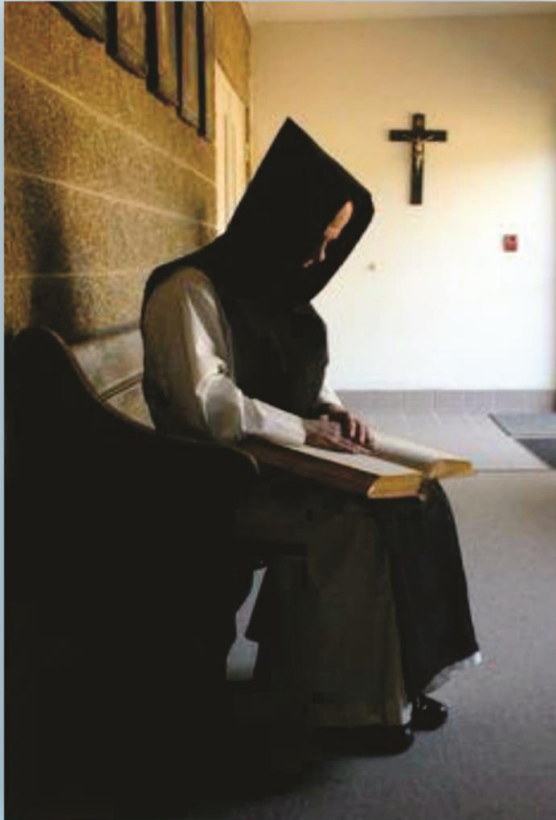


HỘI DÒNG XITÔ THÁNH GIA

Cẩm nang
ĐỜI SỐNG ĐAN TU



Đan Viện Xitô Thánh Mẫu Thiên Phước

HỘI DÒNG XITÔ THÁNH GIA



Lm. Gioan Kim Khẩu Nguyễn Văn Nam, O.Cist.

Năm 2021

MỤC LỤC

Dẫn Nhập	5
----------------	---

PHẦN I

ĐẶC SÙNG, LINH ĐẠO VÀ SỨ VỤ

I. Đặc Sùng Nói Chung	7
1. Đặc sùng là gì?.....	7
2. Nguồn gốc Kinh Thánh.....	8
3. Những ân huệ của Thánh Thần.....	9
4. Các nhóm Đặc sùng	10
II. Đặc Sùng của Đấng Sáng Lập.....	12
1. Khái niệm chung	12
2. Đặc sùng của Đấng Sáng Lập	13
III. Linh Đạo.....	27
1. Định nghĩa.....	27
2. Trở về với Tin Mừng	28
3. Đáp ứng những nhu cầu của Giáo hội và xã hội.....	30
IV. Sứ Vụ	35
1. Thánh hiến để được sai đi	36
2. Sứ vụ của đời sống Thánh hiến trong Giáo hội	39
3. Truyền giáo theo đặc sùng của mỗi Hội dòng	45
4. Trung thành một cách sáng tạo với Sứ vụ	46

5. Loan báo Tin Mừng: Chìa khóa Sứ vụ.....	49
V. Hội Dòng Xitô Thánh Gia.....	51
1. Đặc sủng.....	51
2. Linh đạo	52
3. Sứ vụ của Hội dòng.....	55
4. Những yếu tố căn bản khác	56
Phụ Lục	58
I. Đoàn Sùng	58
1. Khái niệm	58
2. Định nghĩa	59
II. Ân Sủng.....	59
1. Khái niệm	59
2. Định nghĩa.....	61
3. Các loại ân sủng	61

PHẦN II

CÂU HỎI VÀ TRẢ LỜI.....	64
Lời Kết.....	98
Sách Tham Khảo	100
Chữ Viết Tắt	102

Dẫn Nhập

Đời sống thánh hiến nói chung và mỗi linh đạo nói riêng là một ân huệ Thiên Chúa trao tặng Giáo hội, nhưng đồng thời cũng có phần tham gia của một nhóm người nhất định, trong một không gian và thời gian cụ thể. Trong một mức độ nào đó, chúng ta có thể áp dụng cho các Dòng tu, Tu hội và Hiệp hội Tông đồ. Điều này đã được Hiến chế *Lumen Gentium* nói về toàn thể Giáo hội: Đây là “cộng đoàn lý tưởng của lòng tin, niềm hy vọng và tình yêu, một đoàn thể hữu hình và một cộng đoàn niềm tin, đó không phải là hai thực thể, nhưng là một thực thể phức tạp được cấu tạo bởi yếu tố nhân loại và yếu tố thần linh”.¹ Đời sống thánh hiến là một ân huệ của Chúa Thánh Thần, chính Ngài khơi dậy nơi các tín hữu lòng khao khát nên trọn lành, bước theo Chúa Kitô qua việc sống các lời khuyên Phúc Âm cách triệt để (LG 43; PC 1).

Đặc sủng được ban cho những người sống đời thánh hiến qua các Dòng tu, nhằm phục vụ lợi ích của Hội thánh. Nếu đặc sủng là một ơn gọi đối với một bậc sống nào đó của người Kitô hữu như là độc thân hay hôn nhân (1Cor 7, 7-9), hoặc được đồng hóa với một

¹ Vatican II, *Lumen Gentium*, số 8; MR 34.

thừa tác vụ trong Giáo hội (1Cor 12; Rm 12; Ep 4), thì Công đồng Vaticanô II cũng gọi các lời khuyên Phúc Âm là những đặc sủng (LG 12-13.42-43; PC 12). Công đồng muốn nói lên tính cách đa dạng và phong phú của các Hội dòng tùy theo đặc tính riêng của chúng (PC 1. 7-11). “Mỗi Hội dòng, qua sự cộng tác của Đấng sáng lập, đã đem lại một ơn gọi đặc biệt, nhờ ân huệ Chúa Thánh Thần khơi dậy (LG 45; PC 1, 2) và được hàng Giáo phẩm chính thức công nhận” (MR 11).

Như vậy, đời sống thánh hiến tự nó là một đặc sủng. Vì nó là một ân huệ đặc biệt được ban cho toàn thể Giáo hội (LG 43; ET 2, 11; MR 2, 11). Bởi lẽ đời thánh hiến là một ơn gọi “Bén rễ sâu trong đời sống và giáo huấn của Chúa Kitô, là ân huệ của Chúa Cha ban cho Giáo hội qua Chúa Thánh Thần. Nhờ việc tuyên giữ các lời khuyên Phúc Âm, các nét đặc trưng của Đức Giêsu: khiết tịnh, nghèo khó và vâng phục, trở thành hữu hình giữa lòng thế giới như một gương mẫu thường hằng” (VC 1).

Trong tập *Cẩm Nang* này, tác giả chia thành hai phần. Phần thứ nhất là *Đặc Sủng, Linh Đạo và Sứ Vụ*. Phần thứ hai đưa ra *Những Câu Hỏi* căn bản như là chìa khóa giúp đọc giả dễ dàng nhận ra căn tính của ơn gọi đan tu trong lòng Giáo hội.

PHẦN I

ĐẶC SÙNG, LINH ĐẠO VÀ SỬ VỤ

Trước hết chúng ta cần phân biệt đặc sùng chung và đặc sùng của đời sống thánh hiến hay còn gọi là đặc sùng của Đấng sáng lập.

I. ĐẶC SÙNG NÓI CHUNG

1. Đặc sùng là gì?

- Đặc sùng là món quà của Chúa Thánh Thần (*the gift of the Holy Spirit*) ban cho con người để phục vụ lợi ích chung.

- Đặc sùng là ân huệ tốt lành mà Thiên Chúa ban tặng con người nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần để phục vụ vì lợi ích chung.

- ĐGH Phanxicô giải thích: “*đặc sùng* (charism) là một ân sùng hay là một tặng ân do Thiên Chúa Cha ban cho qua tác động của Thánh Linh. Một tặng ân được ban cho ai đó không phải vì họ khác hơn những người khác hay là vì họ đáng nhận được nó, nhưng là do lòng ưu ái và tình thương của Thiên Chúa,

người lãnh nhận nó có thể dùng để phục vụ vì lợi ích của tất cả mọi người”.²

Còn sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo thì định nghĩa: “Đặc sủng là những ân sủng của Chúa Thánh Thần, đều hữu ích cho Hội thánh cách trực tiếp hay gián tiếp, theo mức độ mà các đặc sủng đó quy về việc xây dựng Hội thánh, về việc mưu ích cho con người và về những nhu cầu của trần gian” (GLHTCG 799).

* Vì thế “Các đặc sủng phải được đón nhận với lòng biết ơn....” (GLHTCG, 800).

2. Nguồn gốc Kinh Thánh

Trong Cựu ước, các vua, thẩm phán, ngôn sứ đều nhận được sự trợ giúp của Thần Khí để thi hành công việc của họ. Họ hoàn thành sứ mệnh Thiên Chúa trao ban trong quyền năng của Thần Khí. Chúng ta có thể tìm thấy hoạt động của Thần Khí trong St 41, 38-39; Đn 4, 15; Is 32, 15; 44, 3; ngôn sứ: Đnl 18, 15-19; Ds 11, 24-25; 1Sm 19, 20; Am 3, 8; Gr 20, 7-19; quyền năng và sự khôn ngoan; sách Thủ lãnh (Tl), 6, 33-35;

² ĐGH Phanxicô, *Giáo Lý về Giáo Hội*, Bài 7: *Đặc Sủng* (Charisms) thứ Tư 1/10/2014.

11, 29; 13, 24-25; 1V 5, 9-10; Isaia nói về đặc sủng của đấng Mêsi-a: 11, 1-2; 42, 1; 61, 1-3 và Ge 3, 12; những ân huệ được hứa ban cho thời đại của đấng Mêsi-a: Đnl 28, 49; Is 28, 11...; Ge 3, 1.

Với Tân ước, từ đặc sủng (charism)³ được tìm thấy 17 lần: 16 lần trong các thư của thánh Phaolô (Rm 1, 11; 5, 15-16; 6, 23; 11, 29; 12, 6; 1Cor 1, 7; 7, 7; 12, 4. 9. 28-30; 1Tm 4, 14; 2Tm 1, 6) và 1 lần trong thư 1Pr 4, 10.

Đặc sủng được coi là ân huệ mà Thánh Thần ban cho mỗi người vì lợi ích chung. Có nhiều đặc sủng khác nhau, nhưng chỉ có một Thần Khí. Có nhiều việc phục vụ khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa. Có nhiều hoạt động khác nhau, nhưng vẫn chỉ có một Thiên Chúa làm mọi sự trong mọi người (1Cor 12, 4-7.11; LG 12).

3. Những ân huệ của Thánh Thần

- Ân huệ thứ nhất là thánh hoá bản thân người lãnh nhận, đó là 7 ơn được trình bày ở sách ngôn sứ Isaia: “Ơn khôn ngoan, Ơn hiểu biết, Ơn lo liệu, Ơn

³ Đặc sủng được ban nhằm phục vụ lợi ích cộng đoàn; còn ơn thánh sủng nhằm thánh hoá bản thân người nhận.

sức mạnh, Ôn thông minh, Ôn đạo đức và Ôn kính sợ Thiên Chúa” (Is 11, 2-3).

- Ân huệ thứ hai là những ân huệ đặc biệt mà Thiên Chúa ban cho ta để ta phục vụ Giáo hội và mọi người; ngoại trừ ơn nói “tiếng lạ”, vì “kẻ nói tiếng lạ thì tự xây dựng cho chính mình, còn người nói tiên tri thì xây dựng Hội thánh” (1Cor 14, 4).

Theo thánh Phaolô thì có 9 đặc sủng của Chúa Thánh Thần: Khôn ngoan, Hiểu biết (hay trí tri), Đức tin, Chữa lành, Làm phép lạ, Nói tiên tri, Biện phân các Thần Khí, Nói các tiếng lạ và Giải thích tiếng lạ (1Cor 12, 4-10). Trong 9 đặc sủng này ta có thể chia thành 3 nhóm.

4. Các nhóm Đặc sủng

a. Đặc sủng về tâm trí:

- Đặc sủng khôn ngoan
- Đặc sủng hiểu biết (trí tri)
- Đặc sủng biện phân các Thần Khí

b. Đặc sủng về hành động:

- Đặc sủng chữa lành
- Đặc sủng làm phép lạ

- Đặc sủng đức tin (đức tin có thể dời núi, Mt 21, 21; Mc 11, 22-23).

c. Đặc sủng về ngôn ngữ:

- Đặc sủng nói tiên tri
- Đặc sủng nói tiếng lạ
- Đặc sủng giải thích tiếng lạ

Đặc sủng tuy nhiều nhưng đều phát xuất từ một nguồn gốc là Chúa Thánh Thần, nhằm về mục đích là xây dựng Hội thánh (1Cr 12, 4-11; Rm 12, 3-5).

Trong Tông Huấn về Đời Sống Thánh Hiến định nghĩa: “Ơn gọi thánh hiến được bén rễ sâu trong gương sống và giáo huấn của Chúa Kitô, là ân huệ Thiên Chúa Cha ban cho Hội hội qua trung gian của Thánh Thần (VC 1), thì “đời sống thánh hiến tu trì tự nó là một đặc sủng, là một ân huệ đặc biệt được ban cho toàn thể Giáo hội” (LG 43; ET 2, 11; MR 2, 11). Vì thế, Công đồng Vatican II nhấn mạnh đến tính cách đa dạng của các Hội dòng tùy theo đặc sủng riêng của mình (PC 1, 7, 8, 9, 10, 11). “Mỗi Hội dòng, qua sự cộng tác của Đấng sáng lập, đã đem lại một ơn gọi đặc biệt, như một ân huệ do Chúa Thánh Thần khơi dậy để sinh hoa trái tốt lành cho Giáo hội” (LG 45; PC 1, 2).

II. ĐẶC SÙNG CỦA ĐẢNG SÁNG LẬP

1. Khái niệm chung

Đặc sùng, linh đạo và sứ vụ là ba yếu tố chính tạo nên một Hội dòng. Nếu ví mỗi Hội dòng được ví như một cây cỏ thụ: gốc rễ của nó là *đặc sùng*, thân cây là *linh đạo*, và hoa trái là *sứ vụ*. Như vậy, linh đạo và sứ vụ của mỗi Hội dòng được định hình, nuôi dưỡng và phát triển nhờ đặc sùng của Đảng sáng lập. Do đó, ĐGH Gioan Phaolô II căn dặn các Hội dòng phải trung thành với đặc sùng, đó là gia sản thiêng liêng lập nên mỗi Hội dòng. Đặc sùng phải xây dựng nguyên tắc sống của mỗi Hội dòng tại bất cứ thời điểm nào (VC 36-37). Một khi đã trung thành với đặc sùng của mình, thì đồng nghĩa sống gắn bó với linh đạo và sứ vụ riêng biệt mà Đảng sáng lập đã truyền lại cho họ.

Bởi vậy, đặc sùng là yếu tố chính tạo nên sự khác biệt giữa Hội dòng này với Hội dòng khác. Đặc sùng chính là sức sống, là nguồn mạch của mọi hoạt động tông đồ của mỗi Hội dòng. Một Hội dòng mà không sống theo đặc sùng của Đảng sáng lập sẽ đánh mất đi căn tính hoặc là hướng đi của nó. Nói cách khác, chìa khóa cho sự phát triển của mỗi Hội dòng là lòng trung thành với đặc sùng của Đảng sáng lập. Vì thế mà ĐGH

Phaolô VI đã kêu gọi các cộng đoàn tu trì phải trung thành với tinh thần, với những ý hướng Phúc Âm và gương thánh thiện của Đấng sáng lập. Chính ở đây mà các Hội dòng tìm thấy nguồn gốc của họ (ET 11).

2. Đặc sủng của Đấng Sáng Lập

a. Giáo huấn của Giáo hội

Để thích nghi và đổi mới đời sống thánh hiến, Công đồng Vatican II đã kêu gọi mỗi Hội dòng phải khám phá lại tinh thần và mục đích của Đấng sáng lập (PC 2^b). Sau này ĐGH Phaolô VI là vị Giáo Hoàng đã qui chiếu về Công đồng và nhấn mạnh từ “đặc sủng” để nói về những ân sủng khác nhau của các Đấng sáng lập. Nhờ đó, mỗi tu sĩ mới có thể nâng tâm hồn lên để đón nhận chân lý và tình yêu của Thiên Chúa theo đặc sủng của những vị sáng lập mà Thiên Chúa đã ban cho Giáo hội.

Công đồng còn dạy rằng các tu sĩ phải duy trì một cách trung thành tinh thần của các Đấng sáng lập, lối sống Tin Mừng và gương thánh thiện của họ. “Các tu sĩ phải nhận ra nơi đây một trong những nền tảng cho sự canh tân hiện nay và một trong những tiêu chuẩn chắc chắn nhất cho sự quyết định về sứ vụ (hoạt động) của mỗi Hội dòng” (ET 11). ĐGH Phaolô VI lưu ý về

ơn gọi của mỗi Hội dòng được định hình bởi những tính cách đặc biệt về tinh thần và đặc sủng của Đấng sáng lập. Vì thế, “Mỗi Hội dòng phải qui chiếu về với những nguồn gốc này trước khi nó có thể đem lại một sự canh tân đích thực và trung thành”.⁴

Nối tiếp Công đồng Vatican II và giáo huấn của ĐGH Phaolô VI, ĐGH Gioan Phaolô II đã nhiều lần nhắc nhở các tu sĩ phải trung thành với đặc sủng của Đấng sáng lập. Ngài nhấn mạnh đến sự kính trọng những đặc sủng khác nhau của các Hội dòng. Trên tất cả, ngài tái khẳng định sự hiện diện của các đặc sủng khác nhau này tại chính nguồn gốc của mỗi Hội dòng: “Mỗi Đấng sáng lập của các con, dưới sự linh hứng của Thần Khí mà Chúa Kitô hứa ban cho Giáo hội, đã nhận được *một ân huệ đặc biệt*. Đấng sáng lập là một dụng cụ đặc biệt của Chúa Kitô cho công cuộc cứu độ của Ngài, nó sống mãi trong lịch sử nhân loại. Giáo hội đã dần dần nhận ra những đặc sủng này, xem xét chúng và khi Giáo hội thấy chúng xác thực, đã dâng lời tạ ơn Thiên Chúa và gìn giữ chúng trong đời sống cộng đoàn để cho chúng luôn đơm bông kết trái”.⁵

⁴ ĐGH Phaolô VI, *Bài nói chuyện với các tu sĩ* ngày 31/3/1969, AAS 61 (1969) 266, và trong bài giảng ngày 4/3/1964; ET 11.

⁵ ĐGH Gioan Phaolô II, *Bài Nói Chuyện với Các Bè Trên Tổng Quyền Nam*, ngày 24/11/1978, được trích lại trong John Manuel Lozano,

Trong Tông huấn về Đời sống Thánh Hiến, ngài căn dặn các Hội dòng phải trung thành với những đặc sủng này và sau đó trung thành với gia sản thiêng liêng được tạo lập nên trong mỗi Hội dòng. Họ phải duy trì chúng trong những cộng đoàn mà chúng đã lập nên. Đặc sủng phải xây dựng nguyên tắc sống của mỗi Hội dòng tại bất cứ thời điểm nào: “Đặc sủng nào cũng nổi bật niềm khát vọng sâu xa của tâm hồn muốn được trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, để làm chứng về một khía cạnh nào đó thuộc mầu nhiệm của Ngài... Khía cạnh đó được cụ thể hóa và phát triển trong truyền thống trung thực nhất của Hội dòng, phù hợp với quy luật và hiến pháp” (VC 36-37). Cũng trong Tông huấn này, ĐGH Phaolô II đã nhiều lần sử dụng từ đặc sủng để nói về những chiều kích khác nhau của đời sống thánh hiến, đặc biệt là để nói lên tính đặc thù của mỗi Hội dòng (VC 1, 5, 19, 25, 32, 36, 37, 48, 63, 65, 68, 72, 71, 73, 74, 80, 93). Lời dạy của ngài đã in dấu ấn trong nhiều văn kiện khác của Giáo hội.

Một số văn kiện của Bộ Tu sĩ và Bộ Giám mục đã nói về đặc sủng của Đấng sáng lập như sau:

“Đặc sủng của các Đấng sáng lập biểu lộ như là một *“kinh nghiệm”*”⁶ về Thần Khí mà họ truyền lại cho các môn đệ để họ cùng sống, giữ gìn, đào sâu và không ngừng phát triển trong sự hài hòa với Thân Thể Chúa Kitô đang không ngừng lớn lên” (MR 11). Vì lý do này mà các đặc sủng của mỗi Hội dòng khác nhau đều được Giáo hội trân trọng, bảo tồn và nuôi dưỡng (LG 44; CD 33, 35).

Hiến chế Tín Lý về Giáo hội khi nói đến đời sống tu trì còn khẳng định: “Các lời khuyên Phúc Âm như là ân huệ thần linh mà Giáo hội đã nhận lãnh bởi Chúa mình và trung thành gìn giữ nhờ ơn Người... Có thể ví như một cây đâm chồi nảy lộc um tùm và kỳ diệu từ hạt giống Chúa gieo vãi trong cánh đồng của Người, thì cũng có nhiều lối sống khác nhau: đan tu hay hoạt tu; tu Hội dòng hay tu hội đời đều mang lại hoa trái dồi dào vì lợi ích cho các chi thể của Hội dòng cũng như toàn Thân Thể Chúa Kitô là Giáo hội” (LG 43).

Tóm lại, từ đặc sủng đã được sử dụng để giải thích về căn tính của những Hội dòng khác nhau trong Giáo hội. Nó cũng bao gồm một kiểu nói linh đạo và sứ vụ (hoạt động tông đồ) và nhờ đó, tạo nên truyền

⁶ Kinh nghiệm hay cảm nghiệm là một đặc sủng, vì là một ân huệ đặc biệt của Chúa Thánh Thần.

thống đặc biệt của mỗi Hội dòng⁷. “*Mỗi Hội dòng đều được sinh ra từ Thần Khí, và chính Thần Khí là nguồn gốc của mỗi Hội dòng*”.⁸ Như vậy, tìm lại đặc sủng chính là tìm lại căn tính của mình.

b. Tính cách của đặc sủng

Đặc sủng của Đấng sáng lập khơi nguồn và đặt nền móng cho việc thành lập một Hội dòng. Qua vị này, những yếu tố căn bản về đặc sủng của Hội dòng được rút ra. “*Đặc sủng của Đấng sáng lập có thể biểu lộ chính nó như là một đặc sủng chung* (đoàn sủng), vì đoàn sủng đó được chia sẻ với người khác ngay từ lúc khởi đầu của cộng đoàn. Nó được làm phong phú và làm sáng tỏ bởi kinh nghiệm ban đầu của cộng đoàn đó”.⁹ Do đó, đặc sủng Đấng sáng lập xác định bản chất, tinh thần và mục đích, là những yếu tố cấu thành di sản thiêng liêng của mỗi Hội dòng. Di sản này như là nền tảng căn bản, yếu tố then chốt nhằm giúp các tu sĩ trung thành với ơn gọi của mình (EE 11).

⁷ John Manuel Lozano, *Foundresses, Founders and Their Religious Families*, 29-30.

⁸ Cassian J. Yuhaus, ed., *Religious Life: The Challenge of Tomorrow* (New York: Paulist Press, 1994), 184- 185.

⁹ Antonio Romano, *The Charism of the Founders: The person and Charism of Founders in Contemporary Theological Reflection* (Ireland: St Pauls, 1994), 149-150.

*Đặc sủng là một thực tế sống động, nhưng lại không thể định nghĩa được, chỉ có thể cảm nhận qua mối liên hệ với ý định của Đấng sáng lập, với mục đích, với linh đạo và truyền thống của Hội dòng. Đặc sủng chỉ có thể được mô tả bằng cách tập hợp những yếu tố xuất hiện nơi những người môn đệ đầu tiên sống cũng như nơi những con người của thế hệ sau. Cộng đoàn tu trì là một sự nối dài đặc sủng Đấng sáng lập theo thời gian. “Đặc sủng này có thể tiếp tục tồn tại trong lịch sử qua một tiến trình năng động mà trong đó Chúa Thánh Thần kêu gọi và liên kết những thành viên mới gia nhập vào Hội dòng”.*¹⁰

- Tính di truyền của đặc sủng

Đặc sủng Đấng sáng lập được truyền lại cho các môn đệ của họ. Cộng đoàn, những môn đệ của Đấng sáng lập phải biểu lộ, làm sáng tỏ và phát triển quyền năng của Thánh Thần mà đặc sủng, ân huệ của Thiên Chúa chứa đựng trong chính nó ngay từ khi Hội dòng bắt đầu. Tuy nhiên, không phải tất cả các vị sáng lập hay các môn đệ đầu tiên của ngài có thể nhận thức đầy đủ những gì chứa đựng trong đặc sủng, nhưng những

¹⁰ Antonio Romano, *The Charism of the Founders*, 109, 140; M. Ngọc Đĩnh (Chuyên ngữ), *Đời tu dưới ánh sáng công đồng Vatican II và Giáo luật*, Quyển I (The Daughters of St. Paul, 1986), 66- 68; 148- 154.

người đến sau phải tìm kiếm để hiểu nó tốt hơn và sống đặc sủng đó một cách sung mãn. Sống đặc sủng đó trong sự nhận thức về trách nhiệm và phải truyền lại cho những người kế tiếp một cách trung thành. Đây thực sự là sự đáp trả của họ đối với “Lời Chúa” đang cất vắn họ trong hoàn cảnh hiện tại. Do đó, thật cần thiết để nối kết đời sống và hoạt động của tất cả những người cùng chia sẻ cuộc phiêu lưu mạo hiểm theo ơn gọi của Thần Khí, bắt đầu từ Đấng sáng lập.¹¹ Đặc sủng của Hội dòng ôm trọn toàn bộ lịch sử của chính nó và hiện diện trong tất cả các thành viên của nó. Điều này xảy ra trong nhiều cách khác nhau, tùy theo tài năng và những ân huệ tinh thần của mỗi thành viên, và trong sự đo lường tương ứng với ơn gọi mà họ nhận được. Không một thành viên nào có thể nhận được đoàn sủng một cách trọn vẹn, nó phải được khám phá lại không ngừng, nó phải được tìm kiếm trong cộng đoàn, trong sự hiệp thông với tất cả những thành viên cùng nhận được một đoàn sủng đó.¹²

¹¹ The 54th Assembly of the Union of Superiors General, for a Creative Fidelity Refounding- Resituating Charisms, Redesigning Presence (Rome 1998), 74-75.

¹² Teresa Ledóchowska Osu, In Search of the Charism of the Institute of the Ursulines of the Roman Union, 16, 19, 23, 30.

Sự phát triển của cộng đoàn làm phong phú thêm kinh nghiệm của chính Đấng sáng lập. Họ nên nhớ rằng “đời sống của Hội dòng họ biểu lộ trong những tình huống lịch sử khác nhau, kế hoạch ban đầu của Thiên Chúa, sứ mệnh và ơn gọi của họ mà Đấng sáng lập đã thực hiện trong đời sống và kinh nghiệm của ngài”.¹³ Đây phải là nhiệm vụ của mọi thành viên. Nếu họ không ý thức được như vậy, họ không chỉ có nguy cơ đánh mất đi ý nghĩa của ơn gọi chính họ, mà còn làm mờ đi căn tính đích thực của Hội dòng mình.

Tinh thần của Đấng sáng lập tiếp tục thấm sâu và cho sức sống tới cộng đoàn qua một truyền thống sống động. Mỗi đặc sủng luôn chứa đựng một số tính cách nào đó. Một đặc sủng không bao giờ bị nhốt lại trong một công thức thật hay, nhưng nó có thể được đào sâu và làm phong phú qua sự mô tả rõ hơn để dần dần có thể hiểu được nó hơn. Nói cách khác, những phần tử của Hội dòng là những người chú giải đặc sủng của Đấng sáng lập. Trong suốt giai đoạn phát triển, cộng đoàn cần phản ánh không ngừng trên kinh nghiệm nguồn gốc của chính nó. Họ cần khôi phục lại kinh nghiệm đó, kinh nghiệm mà đã được sống bởi Đấng sáng lập hoặc được khẳng định lại và được phát triển

¹³ Antonio Romano, *The Charism of the Founders*, 179.

bởi những kinh nghiệm thích hợp từ kinh nghiệm đó. Nhờ cách này, cộng đoàn có thể khám phá ra thế nào màu nhiệm ơn gọi được biểu lộ nơi Đấng sáng lập.

Đấng sáng lập chính là điểm hội tụ và hiệp nhất của tất cả các môn đệ. Đấng sáng lập là người hướng dẫn các môn đệ của họ tới sự hiểu biết về màu nhiệm Chúa Kitô và sống theo Tin Mừng của Ngài. Kinh nghiệm về Thiên Chúa của Đấng sáng lập thu hút các môn đệ. Đấng sáng lập và các môn đệ được liên kết và hiệp nhất với nhau trong cùng một kinh nghiệm thiêng liêng. Sự liên kết và hiệp nhất này giúp củng cố, nuôi dưỡng sự phát triển của một Giáo hội đang được đổi mới không ngừng bởi Thần Khí Thiên Chúa.

Các văn kiện của Giáo hội cũng đều khẳng định đặc sủng của Đấng sáng lập là yếu tố tạo nên sự hiệp nhất trong Hội dòng: “Nền tảng của sự hiệp nhất là sự hiệp thông trong Chúa Kitô được củng cố bởi đoàn sủng duy nhất của Đấng sáng lập” (EE 18; MR 11-12). Vì thế, việc quy chiếu về Đấng sáng lập dòng, về đoàn sủng mà vị ấy đã sống và thông truyền, giữ gìn và phát triển qua suốt cuộc sống của Hội dòng (MR 11), được coi là yếu tố thiết yếu cho sự hiệp nhất của Hội dòng” (FLC 45).

- *Trung thành một cách sáng tạo*

Đặc sủng của Hội dòng diễn tả căn tính tinh thần của các môn đệ dọc theo những đường nét được dự định bởi Đấng sáng lập. Căn tính này phải được xem xét trong ánh sáng của những môi trường thay đổi. Qua đó, nó trải qua một sự đổi mới năng động, nhưng không đánh mất lòng trung thành của nó đối với những điểm xuất phát ban đầu. Chỉ có thể kéo dài sự hiện diện của nó bằng sự trung thành sáng tạo, một sự trung thành được bám chặt vào nguồn gốc của nó, nhưng đồng thời mở ra đối với dấu chỉ của thời đại. Trung thành mà không thích nghi vào bối cảnh mới, sẽ dẫn đến chỗ suy tàn. Ngược lại, đổi mới mà không bám vào gốc của nó, sẽ dẫn đến chỗ lập nên một Hội dòng mới. Đó là lý do tại sao việc đổi mới đời sống tu trì không bao giờ được làm một lần cho tất cả.¹⁴ Chắc chắn rằng chúng ta làm việc này không phải để sửa đổi đặc sủng, nhưng là để xem làm thế nào mà chúng ta đáp lại những ý hướng sâu xa của Đấng sáng lập trong bối cảnh hôm nay. ĐGH Piô XII đã từng nói với các Hội dòng rằng “ngày nay họ phải làm những gì mà Đấng sáng lập, nếu còn sống, ngài sẽ làm. Chắc chắn

¹⁴ Antonio Romano, *The Charism of the Founders*, 151-156; Teresa Ledóchowska Osu, *In Search of the Charism of the Institute of the Ursulines of the Roman Union*, 17.

trong một số trường hợp họ sẽ lập lại những gì mà Đấng sáng lập của họ đã làm; nhưng cũng có thể một số sáng kiến mà các Đấng sáng lập đã chọn trong thời của ngài, thì họ sẽ không chọn chúng đối với bối cảnh hiện nay”.¹⁵

Đặc sủng như một bản thể

Con người bao gồm bản thể và tùy thể. Tùy thể là hình thức bên ngoài như màu da, màu tóc, mặt, ồm, v.v., nó có thể thay đổi. Ngược lại, bản thể thì không thay đổi, nó luôn giữ lại cái mà nó là... Ví dụ: Tôi bây giờ hay là tôi cách đây 10 năm, 15 năm, 20 năm trước vẫn là tôi, chứ không thể là người khác, hoặc 10 năm, 15 năm, 20 năm sau vẫn là tôi... Vậy để đổi mới, chúng ta cần nhận thức về căn tính của chính mình. Bên cạnh đó, sự thay đổi và thích nghi là điều đương nhiên trong đời sống của mỗi Hội dòng.

Trong Kinh Thánh, Thần Khí được mạc khải như là Đấng ban sự sống. Mỗi đặc sủng là ân huệ của Đấng ban sự sống, luôn luôn là một thực tế năng động, nguồn sống và hoạt động. Đặc sủng được ban cho các Đấng sáng lập và sau đó là Hội dòng của họ, là một ơn

¹⁵ John Manuel Lozano, *Foundresses, Founders and Their Religious Families*, 89-90.

gọi trong cộng đoàn Giáo hội, nên phải được bảo tồn qua không gian và thời gian.

Các đặc sủng sản sinh nhiều hình thức tu trì khác nhau, nhờ đó mà chúng đưa Tin Mừng hội nhập vào những môi trường sống đa dạng. Chúng thúc đẩy các Hội dòng đảm nhận những sứ mệnh của Giáo hội giao phó. Vì thế, các Hội dòng cần cởi mở và ngoan ngoãn vâng theo sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Sự kết hợp mật thiết với Ngài cũng chính là việc đổi mới và thích nghi thật sự của tất cả các cộng đoàn tu trong bối cảnh hiện nay.

Trong mỗi Tổng hội, Hội dòng cần nhìn lại quá khứ của mình, đọc và giải thích sâu về đặc sủng để tìm ra hướng đi cho tương lai cho Hội dòng. Điều này có nghĩa là họ phải luôn duy trì ký ức sống động về Đấng sáng lập và luôn tiến tới một sự hiểu biết rõ hơn về nguồn gốc, sứ mệnh của họ trong Giáo hội và trong thế giới.¹⁶ Qua đó, họ có thể làm cho Đấng sáng lập trở thành người tiên phong của Thần Khí trong thời của họ. Đó chính là chiều kích ngôn sứ của Đấng sáng lập, như George đã khẳng định: “Các Đấng sáng lập ở

¹⁶ Futrell, J.C., *Discovering the Founder's charism*, in *The Way Supplement 14* (1971), 62 và 70.

trước chúng ta, đi trước chúng ta”.¹⁷ Đó là lý do tại sao Công đồng Vatican II kêu gọi công việc canh tân nên được thực hiện trong sự hợp tác của cả cộng đoàn (PC 4). Cộng đoàn phải luôn tìm kiếm cách tốt nhất để thích hợp với nhu cầu “ngôn sứ” của Đấng sáng lập. Trong cách này, cộng đoàn tìm cách để nhận ra và đáp ứng những nhu cầu của thời đại trong mọi tình huống.¹⁸

“Đặc sủng của mỗi Hội dòng đòi hỏi Đấng sáng lập và các môn đệ phải thường xuyên kiểm chứng xem họ có trung thành với Chúa, với một khát vọng sâu xa muốn trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô để làm chứng cho một khía cạnh nào đó trong mầu nhiệm của Người. Họ có thực sự ngoan ngoãn vâng theo sự hướng dẫn của Thần Khí, có sáng suốt quan tâm đến bối cảnh họ đang sống và nhận thức về những dấu chỉ của thời đại không. Họ có phục vụ Giáo hội và sẵn sàng phục tùng hàng giáo phẩm, có dũng cảm trong sáng kiến, có kiên trì trong hiến thân và có khiêm tốn chấp nhận những nghịch cảnh không” (MR 12, 51).

¹⁷ F. George, *Critères Pour Découvrir et Vivre le Charisme du Fondateur Aujourd’hui*, trong *Vie Oblate Life* 36 (1977), 39.

¹⁸ Antonio Romano, *The Charism of the Founders*, 181.

Sai lầm có thể xảy ra là khi chúng ta “hiện đại hóa” đặc sủng, thay mới hoàn toàn để cho hấp dẫn hơn, hoặc sử dụng đặc sủng của Đấng sáng lập để phục vụ cho chính mình, để biện minh cho những quyết định và hành động của chúng ta. Điều này có thể là tốt, nhưng nó không phải là mục đích của Đấng sáng lập. Nó có thể phá đi những gì đã được dày công xây dựng và làm mất đi đặc tính và căn tính của Hội dòng. Việc dung hòa giữa trung thành với sự thích nghi và canh tân không dễ dàng. Công đồng Vatican II đã nhận thấy những khó khăn đó: “Nhiều Hội dòng muốn lấy lại ơn gọi nguyên thủy là không có chức linh mục; nhưng trái lại, một số Dòng tu sĩ giáo dân (nam) lại muốn chuyển hướng sang dòng giáo sĩ...”

Tại một số quốc gia Âu Mỹ, nhiều dòng đã bỏ các cơ sở giáo dục và y tế, vì không còn thích hợp, để tìm những cách thức mới phục vụ người nghèo. Trong bối cảnh xét lại các hình thức hoạt động tông đồ đó, văn kiện “*Những Yếu Tố Cốt Yếu Của Đời Tu*” đã đưa ra những khuyến cáo về ba cơn cám dỗ khi xây dựng kế hoạch hoạt động tông đồ: (1) muốn làm tất cả mọi việc, (2) bỏ đi những hình thức hoạt động truyền thống theo đặc sủng của dòng, để chạy theo những hoạt động đáp ứng nhu cầu xã hội tức thời, nhưng lại không hợp với đặc sủng của dòng, (3) phân tán nhân lực dòng vào

những hoạt động ngắn hạn, chỉ liên hệ đến đặc sủng một cách mơ hồ; do đó, với thời gian, tính cách đồng nhất trong việc thực hiện đặc sủng của dòng sẽ bị tổn thương (số 27).

Như vậy, đặc sủng mà Đấng sáng lập nhận được đưa đến hai mục đích:

- Thứ nhất: xét việc trở về với Tin Mừng (*tức là cách thức bước theo Chúa Kitô*), đây là phương cách thực hiện sự trở về nguồn này gọi là *linh đạo*.

- Mục đích thứ hai: đáp ứng lại tình huống lịch sử của Giáo hội và xã hội, đặc biệt là trong mối liên quan về nhu cầu cấp bách của Giáo hội, thì gọi là *sứ vụ*.

III. LINH ĐẠO¹⁹

1. Định nghĩa

- Linh đạo là con đường thiêng liêng đưa con người trở về với Thiên Chúa, hiệp nhất với Ngài trong một tình yêu bền vững.

¹⁹ Linh Đạo là con đường thiêng liêng, con đường nên thánh. Trong các Dòng tu, mỗi hội dòng đều có một linh đạo riêng, một con đường nên thánh riêng do Đấng sáng lập vạch ra.

- Linh đạo là một lộ trình thiêng liêng nhằm dẫn tới cuộc đối thoại liên lý giữa con người với Thiên Chúa tình yêu (Thomas Merton).

- Nói cách khác, linh đạo là cách thức sống đời sống thiêng liêng (the way of the spiritual life).

2. Trở về với Tin Mừng

Mọi cộng đoàn Kitô hữu được sinh ra và lớn lên bởi Lời Chúa (1Tx 1, 5-10). Sách Công vụ tông đồ đã mô tả cuộc “hành trình” của Lời Chúa: tới bất cứ đâu, Lời Chúa đều sinh ra Giáo hội. Giáo hội là một sự triêu tập: một ơn gọi chung, được liên kết vì danh Chúa Giêsu, trong Lời của Ngài và sự hiện diện của Ngài (Mt 18, 20) cho tới khi trở nên một trong Chúa Kitô.

Nguồn gốc và nền tảng (đặc sủng) của một Hội dòng là Lời nhập thể nơi Đấng sáng lập. Hành động của Thần Khí mạc khải về sự thật: “tất cả sự thật”, và gọi lại những Lời của Chúa Giêsu dạy (Ga 14, 24-26; 16, 13), hướng dẫn các Đấng sáng lập vào trong sự hiểu biết sâu xa về một “Lời” đặc biệt để nhờ đó mở ra sự hiểu biết Kinh Thánh cho họ (Lc 24, 25).²⁰ Các

²⁰ Fabio Ciardi, *Koinonia- Spirituality and Theology of the Growth of Religious Community* (Quezon City: Claretian Publications, 1999), 256- 259.

Đấng sáng lập đã nhận được Lời Chúa trong tình huống lịch sử đặc biệt của họ, và họ được kêu gọi để sống lý tưởng của nước trời, noi gương Chúa Kitô theo một cách mới. Lịch sử Giáo hội cho chúng ta thấy rằng những hình thức mới của đời sống thánh hiến được sinh ra là kết quả của sự trở về với Tin Mừng, trong những giai đoạn khi mà Giáo hội đang trải qua những khủng hoảng suy đồi về đạo đức, luân lý và sự căm dỗ về quyền lực, v.v...

Thực ra, vào những thế kỷ đầu, không có sự phân biệt về nếp sống giữa người Kitô hữu và tu sĩ. “Từ giữa thế kỷ III, nhất là từ thế kỷ IV, đã có những người, khi thấy đời sống đạo sa sút do ảnh hưởng của quyền lực và tục hóa, họ tìm vào sa mạc để sống đời ẩn tu. Họ muốn trở về với nếp sống của cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi”.²¹ Xuyên qua lịch sử đời sống đan tu, từ thánh Antôn, Pacomiô, Basiliô, Augustinô và tiếp theo đó là toàn bộ truyền thống Bênêdictô - Xitô đều nhấn mạnh đến việc trở về nguồn Lời Chúa, sống trung thành với Tin Mừng theo mô hình của cộng đoàn Giêrusalem nguyên thủy.

²¹ Phan Tấn Thành, *Giải Thích Giáo Luật Quyển 2*, tập 3, 353-354.

Mục đích trở về nguồn “linh hứng ban đầu” của Hội dòng là để thăng tiến một lối sống Tin Mừng trong Giáo hội và những cách thức để thực hiện đặc sủng đó. Qui luật tối thượng của họ là việc theo Chúa Kitô và đồng hình đồng dạng với Ngài. Cuộc sống của họ phải qui chiếu theo khuôn mẫu này, nghĩa là bắt chước gương sống của Chúa Kitô: vâng phục, khó nghèo, thanh khiết, thực hành những gì Ngài giảng dạy, cách riêng trong Bài giảng trên núi... Tin Mừng là luật sống cho mọi Kitô hữu, nhưng mỗi Hội dòng phải thể hiện một cách rõ ràng và mới mẻ đối với những giá trị của Tin Mừng.

3. Đáp ứng những nhu cầu của Giáo hội và xã hội

Từ thời Trung cổ, các Vị sáng lập dòng đã ý thức về sứ vụ làm chứng cho Tin Mừng ngày càng trở nên mãnh liệt. Đòi tu không chỉ lo sống Tin Mừng, mà còn hiến thân đi rao giảng Tin Mừng như Chúa đã truyền (Lc 10, 1-15). Nhiều nhóm được thành lập để đáp ứng lại những tình huống lịch sử nào đó, hay là thực hiện một sứ mệnh bên trong hoặc bên ngoài cộng đoàn: qua việc hãm mình và khấn cầu cho trần thế bằng đời sống chiêm niệm, việc loan báo Tin Mừng, và với các hình thức phục vụ khác nhau.

Vào thế kỷ XI-XII, ta thấy xuất hiện 3 loại Dòng tu: các dòng bác ái chuyên săn sóc những người bệnh tật, lo vấn đề di cư, khách hành hương. Dòng thì lo cứu giúp các Kitô hữu bị bắt làm nô lệ. Một số dòng lo giải phóng và bảo vệ những nơi thánh ở Palestine. Các dòng thuộc 3 loại này gồm: Dòng bệnh viện Chúa Thánh Thần; Dòng Chúa Ba Ngôi, Dòng Đức Bà Chuộc Kẻ Làm Tội; Dòng Đền Thờ và Dòng Hiệp Sĩ Malta.²²

Thời trung cổ, từ thế kỷ XIII trở đi, xuất hiện các dòng hành khất, nhiều Hội dòng đã được thành lập để góp phần làm phong phú thêm đời sống và hoạt động của Giáo hội. Các dòng hành khất như: Đa Minh, Phanxicô, Augustinô, Camêlô, v.v...) ra đời từ thế kỷ XIII đáp ứng lại nhiều phong trào cải cách, kêu gọi Giáo hội trở về với nếp sống đơn sơ, giản dị của thời nguyên thủy. Những dòng hành khất này đề ra lối sống Tin Mừng tinh ròng trong sự hiệp thông với Giáo hội. Tất cả họ, bằng cách này hay cách khác, đều muốn trở về với nguồn gốc của đời sống Kitô hữu. Nhiều người lúc đầu không có ý định thành lập một Hội dòng,

²² Phan Tấn Thành, *Giải Thích Giáo Luật Quyển 2*, tập 3, 360-367.

nhưng vì sự nhiệt tâm sống theo Tin Mừng, họ đã thức tỉnh và lôi kéo những người đương thời đi theo.²³

Đến thời cận đại, nhiều Dòng tu ra đời để đáp ứng những nhu cầu khác nhau của Giáo hội và xã hội, như chuyên lo về giáo dục, chăm sóc bệnh nhân, người già, trẻ mồ côi, những người tàn tật, v.v...²⁴

Cùng với ơn Chúa Thánh Thần, các Đấng sáng lập đã khám phá ra một nhu cầu đặc biệt của Giáo hội và quyết định đáp ứng nhu cầu đó. Luật sống, cách tổ chức và việc đào tạo những thành viên mới được phát triển dần dần chung quanh trục sứ vụ nguyên thủy này. Lối sống độc thân, khó nghèo và đời sống cộng đoàn ngay từ đầu đã được coi như là những yếu tố căn bản của sự hiến thân cho Thiên Chúa trong sứ vụ.

Sứ vụ của Hội dòng không chỉ là một phần của đặc sủng, nhưng còn là yếu tố đặc biệt để đặc sủng này phát triển tới mức hoàn hảo của nó. Đời sống thánh hiến sẽ không thể hiểu được, nếu không có sự qui

²³ Marcello Azevedo, SJ, *Vocation for Mission- The Challenge of Religious Life Today* (New York: Paulist Press, 1988), 137.

²⁴ Fabio Ciardi, *Koinonia*, 157-158.

chiếu rõ ràng với sứ vụ thích hợp.²⁵ Ngày nay, các Hội dòng càng ý thức hơn về sứ vụ của họ trong việc phục vụ những nhu cầu tinh thần hay vật chất của nhân loại theo đặc sủng của mình. Văn kiện *Tu sĩ với Sự Thăng Tiến Con Người* (1980) của Bộ Tu sĩ đã nói về sự phục vụ người nghèo, dân thân bệnh vực họ và tranh đấu cho công bằng xã hội. Điều đó cho thấy ĐGH Gioan Phaolô II đã đề cao sự đóng góp của tu sĩ vào công việc truyền giáo (RM 65, 69-70).

Tóm lại, Chúa Giêsu qui tụ các môn đệ để họ ở với Ngài và để được Ngài sai họ đi (Mc 3, 14). Mỗi Đấng sáng lập được Thiên Chúa kêu gọi để diễn tả màu nhiệm Chúa Kitô một cách đặc biệt. *Đấng sáng lập nhận được một cảm nghiệm đặc biệt về Thần Khí (đặc sủng), tìm ra một cách mới để sống những lời khuyên Phúc Âm, nhận thức một hướng đi mới trên đường nên thánh (linh đạo) và đáp ứng lại những nhu cầu của Giáo hội và xã hội (sứ vụ).*

Kinh nghiệm về Thần Khí này bắt nguồn từ sự linh hứng siêu nhiên, dẫn các Đấng sáng lập vào trong sự hiểu biết về màu nhiệm Chúa Kitô và Tin Mừng của Ngài. Có thể nói, “các Đấng sáng lập là những con

²⁵ J. Manuel Lozano, *Foundresses, Founders and Their Religious Families*, 77.

người của Thần Khí. Họ biết nhìn vào thực tế với cái nhìn mới và qua đó nhận thức được nhu cầu khẩn cấp của Giáo hội và thế giới. Họ nhận thức được điều kiện hiện tại của Giáo hội và được thôi thúc để làm cho Chúa Kitô. Họ đã đọc được dấu chỉ của thời đại và đáp ứng lại những nhu cầu cấp bách của con người trong thời đại đó. Bởi đó, đặc sủng luôn luôn gắn liền và định hướng cho sứ mệnh truyền giáo”,²⁶ qua đó “Thiên Chúa ban cho họ một kinh nghiệm sâu xa về chính Ngài để những người khác có thể được hưởng nhờ”.²⁷

Các Hội dòng được thành lập không chỉ vì mục đích đáp ứng những nhu cầu của Giáo hội và xã hội, nhưng một lối sống Tin Mừng cụ thể đã phát sinh ra một cách sống mới của đời sống Kitô hữu. Tình yêu Thiên Chúa phát sinh và thúc đẩy tình yêu tha nhân. Thật vậy, họ không những bắt chước đời sống của Chúa Kitô về sự tận hiến mà còn tham gia vào sứ vụ của Ngài, đó là đem ơn cứu độ cho trần gian.

²⁶ Fabio Ciardi, *Koinonia*, 276-279; M. Ngọc Đỉnh (Chuyển ngữ), *Đời Tu dưới Ánh Sáng Công đồng Vatican II*, và *Giáo luật*, Quyển I (The Daughters of St. Paul, 1986), 199.

²⁷ Thượng Hội đồng Giám mục, kỳ IX, *Đời Sống Thánh Hiến và Sứ Mạng của Đời sống này trong Giáo hội và trong Thế giới* (Tài liệu làm việc), số 16-17.

IV. SỨ VỤ

Đấng sáng lập nhận được đặc sủng để mở ra một hướng đi mới của việc sống những lời khuyên Phúc Âm, một con đường nên thánh (*linh đạo*) và đồng thời để đáp ứng một nhu cầu nào đó của Giáo hội (*sứ mệnh truyền giáo*). “Nơi Đấng sáng lập, có thể sứ mệnh truyền giáo đang còn nằm trong giai đoạn nảy mầm, nhưng sứ mệnh đó sẽ trở nên rõ ràng hơn đối với các thế hệ tiếp theo”.²⁸

Thiên Chúa ban đặc sủng để thực hiện kế hoạch của Ngài, nên đặc sủng, kế hoạch của Thiên Chúa và sứ mệnh truyền giáo luôn đan quện vào nhau. Thiên Chúa có mục đích của Ngài và Thần Khí của Ngài ban đặc sủng cho ai đó để thực hiện mục đích đó. Tách khỏi mục đích này, đặc sủng không còn ý nghĩa. Vì vậy, “đặc sủng của mỗi Hội dòng có thể được định nghĩa là một ân huệ của Thần Khí được ban cho họ để cho phép họ thực hiện sứ mệnh đặc biệt của mình”.²⁹

²⁸ Teresa Ledóchowska Osu, *In Search of the Charism of the Institute of the Ursulines of the Roman Union*, 27.

²⁹ Teresa Ledóchowska Osu, *In Search of the Charism*, 13-15.

1. Thánh hiến để được sai đi

Chúng ta được Chúa Giêsu kêu gọi để sống với Ngài và để được Ngài sai đi (Mc 3, 13-15). Người tu sĩ được tách ra khỏi thế gian để thuộc trọn về Chúa, rồi lại được Chúa sai vào thế gian để làm chứng cho Ngài.

Được hướng dẫn bởi Thần Khí, nguồn gốc của mọi ơn gọi và đặc sủng, đời sống thánh hiến, chính nó, trở thành một việc truyền giáo (SAFC 9). Văn kiện *Những Yếu Tố Cốt Yếu của Đời Tu* cũng khẳng định: “Sự thánh hiến luôn đi kèm theo một sứ mệnh” (EE 23-25). Chính Thần Khí thúc đẩy họ đảm nhận sứ mệnh của Chúa Kitô. Thật vậy, người tu sĩ cần ý thức về sứ vụ truyền giáo của Giáo hội. Việc truyền giáo phải thấm sâu vào tận huyết mạch của mọi hình thức tu trì, nó bao trùm mọi khía cạnh của đời sống họ. Sự thánh hiến luôn ẩn chứa một sứ mệnh, và đặc sủng luôn luôn gắn liền với sứ mệnh đặc biệt của mỗi Hội dòng. Bởi đó, việc truyền giáo là điều cốt yếu đối với mọi Hội dòng, cả những Hội dòng chuyên lo làm việc tông đồ, lẫn những Hội dòng sống đời chiêm niệm. Ý thức truyền giáo phải là ưu tiên số một của mọi hình thức tu trì (VC 19. 25. 72).

Giống như Chúa Giêsu, Người được Thiên Chúa Cha thánh hiến và sai vào thế gian (Ga 10, 36), thì người tu sĩ cũng là người được Thiên Chúa kêu gọi, thánh hiến và sai vào thế gian để tiếp tục sứ vụ của Chúa Giêsu. Họ được mời gọi để dâng thân hoàn toàn cho việc truyền giáo (VC 3. 18. 22. 25. 27. 72). Các Hội dòng cố gắng bước theo Chúa Kitô, họa lại cuộc đời của Ngài. Mỗi Hội dòng có mục đích khác nhau, tùy vào việc họa lại khía cạnh nào của cuộc đời Chúa Giêsu. Có thể xếp thành 4 loại dòng và tu hội:

a) Chúa Giêsu cầu nguyện: đây là mục tiêu của những Hội dòng thuần túy chiêm niệm.

b) Chúa Giêsu loan báo nước trời: mục đích của những dòng phục vụ Lời Chúa (giảng dạy).

c) Chúa Giêsu thi ân giáng phúc cho nhân loại: những dòng chuyên về công tác bác ái xã hội.

d) Chúa Giêsu sống giữa đời: các Tu hội đời.³⁰

Sứ mệnh truyền giáo của đời sống thánh hiến được đề cập đến rất nhiều nơi trong Tông huấn *Vita Consecrata*, ngay từ số đầu tiên (VC 1)³¹. Mọi sự đều được hiểu trong mối quan hệ với sứ mệnh. Mọi sự đều

³⁰ Phan Tấn Thành, *Giải Thích Giáo Luật*, tập 4, 564; LG 46; GL, số 577.

³¹ ĐGH Gioan Phaolô II, *Tông huấn Vita Consecrata* (VC), 1996.

qui về sứ mệnh. Mọi sự đều trở thành sứ mệnh. Sứ mệnh bao trùm toàn bộ đời sống của những người tận hiến. Đặc biệt, Tông huấn nối kết hai ý niệm thánh hiến và sứ mệnh: thánh hiến và sứ mệnh bổ túc cho nhau và đan quyện vào nhau, tạo nên căn tính của đời sống thánh hiến. Không thể hiểu cái này nếu không có cái kia. Người tận hiến không thể yêu Chúa, mà lại không yêu người thân cận (Mt 22, 34-40; 1Ga 4, 20-21). Đời sống thánh hiến bao hàm sứ mệnh, vì việc trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô cũng có nghĩa là tham gia vào sứ mệnh của Ngài: việc thánh hiến để được sai đi. Còn sứ mệnh lại dẫn đến thánh hiến, do đó việc truyền giáo của đời sống thánh hiến thiết yếu ở chứng tá nơi chính sự tận hiến (VC 76), mà chứng tá quan trọng nhất của đời sống thánh hiến là sự thánh thiện (VC 32-35). Sự thánh hiến, trước tất cả là hành động của Chúa Cha; bước theo Chúa Kitô trên con đường đến với Chúa Cha và phục vụ kế hoạch cứu độ của Chúa Cha; Chúa Thánh Thần, nguồn gốc mọi đặc sủng, cụ thể hóa sứ mệnh của đời sống thánh hiến trong những tình huống lịch sử của nhân loại.

2. Sứ vụ của đời sống Thánh hiến trong Giáo hội

Mỗi Hội dòng được thành lập là để phục vụ Giáo hội, làm cho Giáo hội thêm phong phú qua đặc tính và sứ vụ riêng biệt của mình (MR 14^b).

Hiến chế *Lumen Gentium* đã đặt đời sống thánh hiến trong lòng Giáo hội, để nhắc nhở họ rằng việc theo Chúa không chỉ là lợi ích của riêng họ, mà còn liên hệ tới cả Giáo hội nữa. Vì thuộc về bản chất của Giáo hội, nên đời tu cũng gắn liền với sứ mệnh của Giáo hội (LG 44). Đặc sủng của họ không chỉ được ban tặng cho riêng họ, nhưng còn là một ân huệ cho đời sống và sứ mệnh truyền giáo của Giáo hội (LG 43, 44; PC 5).

Đời sống thánh hiến họa lại nếp sống của Chúa Kitô: khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục, nếp sống này biểu lộ tình con thảo của Ngài với Thiên Chúa Cha (VC 1^a 16.18, 21...), nên đời sống thánh hiến có vị trí ưu việt trong Giáo hội, là một ân huệ quý báu và cần thiết cho hiện tại và tương lai của dân Thiên Chúa (VC 3. 18. 32. 105). Giáo hội cần những người sống đời thánh hiến để họa lại nếp sống của Con Thiên Chúa. Thêm vào đó, đời sống thánh hiến còn biểu lộ mối tình

duy nhất của Giáo hội dành cho Đức Lang Quân (VC 3, 34).

Như thế, đời sống thánh hiến gắn liền với sứ mệnh (VC 1. 25) và cánh chung của toàn thể Giáo hội (VC 26). Tông huấn khẳng định một cách rõ ràng tầm quan trọng và sự cần thiết của đời sống thánh hiến đối với Giáo hội (VC 3. 6. 18. 29. 32. 105). Mặc dù tông huấn cũng coi tất cả mọi Kitô hữu đều bình đẳng như nhau, cùng có chung một phẩm giá, cùng được kêu gọi nên thánh (VC 31^b. 18^b) và mỗi ơn gọi đều làm phong phú người khác (VC 33^b), nhưng tông huấn cho thấy vị trí trội vượt của đời sống thánh hiến, vì người được thánh hiến sống triệt để nếp sống mà Chúa Giêsu đã sống khi được Chúa Cha sai đến thế gian (VC 46-50). Nhờ có sự đóng góp của các tu sĩ mà Tin Mừng có thể được biết đến rộng rãi như ngày nay, Giáo hội mới được cắm sâu vào nhiều nơi trên thế giới và bộ mặt Giáo hội được tươi thắm tại nơi các Giáo hội trẻ trung (VC 47).

Hầu như các Đức Giáo Hoàng đều đề cập đến vai trò và sứ mệnh truyền giáo của Giáo hội, cách riêng là đối với các Hội dòng. Vì đặc sủng của các Đấng sáng lập thì đa dạng và phong phú..., ĐGH Gioan Phaolô II xác tín: “cần sự đa dạng về đặc sủng và ơn gọi này, bởi

vì cả sự phong phú về tinh thần và sự phục vụ nhân loại của Giáo hội đều tùy thuộc vào chúng”.³²

Các Giám mục cần phải trợ giúp, nâng đỡ, thăng tiến và bênh vực những người sống đời tận hiến, hầu giúp họ hội nhập, sống hiệp thông với Giáo hội, khai mở những định hướng thiêng liêng và mục vụ đáp ứng lại những nhu cầu của thời đại, nhưng dầu sao vẫn phải trung thành với đoàn sủng của mỗi Hội dòng. Còn những người tận hiến, tùy theo khả năng và sứ vụ của mình, nên quảng đại cộng tác với Giáo hội địa phương trong tinh thần hiệp thông trọn vẹn với Giám mục tại nơi các lãnh vực loan báo Tin Mừng. Các tu sĩ phải coi Giám mục không chỉ là chủ chăn của toàn thể cộng đồng giáo phận, mà còn là người bảo đảm sự trung tín với ơn gọi của họ trong việc phục vụ vì lợi ích của Giáo hội địa phương. Các tu sĩ hãy mau mắn thi hành và trung thành đáp lại nguyện vọng của Giám mục mà đảm nhận những vai trò rộng lớn hơn trong việc cứu độ con người, mặt khác họ vẫn phải duy trì đặc tính của Hội dòng và theo đúng hiến pháp. Sự quan tâm của

³² ĐGH Gioan Phaolô II, *Bài Nói Chuyện với Các Tu Sĩ Tại Sao Paulo*, 3/7/1980, được trích lại trong John Manuel Lozano, *Foundresses, Founders and Their Religious Families*, tr. 28; Thượng Hội đồng Giám mục, kỳ IX, *Đời Sống Thánh Hiến và Sứ Mạng của Đời sống này trong Giáo hội và trong Thế giới*, số 3, 6.

các Giám mục đối với ơn gọi và sứ vụ của các Hội dòng, nhưng đồng thời thái độ kính trọng của các Hội dòng đối với Giám mục được thể hiện qua việc mau mắn đón nhận những chỉ thị cụ thể về mục vụ giáo phận, thể hiện hai hình thái liên kết chặt chẽ của một đức ái duy nhất trong Giáo hội. Đức ái đòi hỏi mỗi bên phải phục vụ sự hiệp thông vừa có tính đoàn sủng, vừa có tính phẩm trật của toàn dân Thiên Chúa (VC 49; MR 52; CD 35,1).

Các Giám mục được yêu cầu đón tiếp và trân trọng các đoàn sủng của các Hội dòng, dành cho họ một chỗ trong kế hoạch mục vụ của giáo phận. “Một giáo phận không có đời sống thánh hiến sẽ thiếu nhiều ơn huệ thiêng liêng, thiếu những nơi dành riêng cho việc tìm kiếm Thiên Chúa, thiếu các hoạt động tông đồ và những phương thức mục vụ chuyên biệt; hơn nữa, giáo phận đó có thể suy yếu đi rất nhiều, vì thiếu vắng tinh thần truyền giáo vốn là đặc điếm của hầu hết các Hội dòng”.³³ Vì thế, “cần biết đón nhận với lòng tri ân

³³ Vaticanô II, Sắc lệnh về Truyền Giáo, *Ad Gentes* (AG), nói về các hội dòng, số 15 (vai trò bất khả thay thế), số 18- 19 (phát huy đời tu ở các xứ truyền giáo), số 20 (lòng nhiệt thành của các tu sĩ), số 27 (các tu hội truyền giáo), số 32- 33 (hợp tác với Giáo hội địa phương trong hoạt động truyền giáo), số 40 (nhiệm vụ truyền giáo của các tu sĩ).

và quảng đại hồng ân của đời sống thánh hiến mà Chúa Thánh Thần ban cho Giáo hội địa phương” (VC 48).

Các ngài nên dùng lẽ luật mà hướng dẫn một cách khôn ngoan việc thực thi các Lời khuyên Phúc Âm, phê chuẩn luật dòng (LG 45); thừa nhận và trao phó cho các Hội dòng sứ mệnh riêng biệt của họ. Ngài nên khuyến khích các Hội dòng dân thân thành lập các cộng đoàn mới (AG 18. 27), giúp các Hội dòng phát triển và sinh hoa trái theo tinh thần của Đấng sáng lập bằng cách lấy quyền bính của mình mà săn sóc, bênh vực và nâng đỡ (LG 45).

Đối với các dòng hoàn toàn sống đời chiêm niệm là một lý do hãnh diện cho Giáo hội... “Nhờ nếp sống và sứ mạng của họ, những phần tử thuộc các dòng ấy bắt chước Đức Kitô cầu nguyện trên núi, họ làm chứng về quyền chủ tể của Thiên Chúa trên lịch sử, họ tiên báo vinh quang mai ngày sẽ đến” (VC 8).

“Trong cô tịch và thanh lặng, bằng việc lắng nghe Lời Thiên Chúa, cử hành phụng vụ, khổ chế cá nhân, kinh nguyện, hãm mình và hiệp thông vào tình yêu huynh đệ, họ hướng toàn thể đời sống và sinh hoạt vào việc chiêm ngưỡng Thiên Chúa. Như thế họ cống hiến cho Giáo hội một chứng tá độc đáo về tình yêu của

Giáo hội dành cho Chúa, và góp phần với sức phong nhiêu tông đồ huyền diệu vào sự tăng trưởng của Dân Thiên Chúa” (VC 8; PC 7; AG 40).

Với các nữ đan sĩ, ĐGH Phanxicô bày tỏ lòng ngưỡng mộ rằng: “Giáo Hội đang cần các chị để đưa Tin Mừng cho con người ngày nay...”³⁴. Tuy nhiên, thách đố mà Đức Giáo Hoàng đề ra cho các nữ tu chiêm niệm là “làm sao trở thành những đèn pha, những ngọn đuốc sáng hướng dẫn và đồng hành với nhân loại, các chị là ‘những người canh ban mai’ chỉ cho thế giới thấy Chúa Kitô là đường, là sự thật và là sự sống”³⁵. Đời sống chiêm niệm là một hồng ân vô giá và không thể từ khước được đối với Giáo Hội. Đời sống chiêm niệm là một chuyện tình say mê đối với Chúa và nhân loại, được biểu lộ qua sự hăng say tìm kiếm nhan Thiên Chúa, và đứng trước nhan Chúa, ... họ chiêm ngắm thế giới và sự vật với cái nhìn của Thiên Chúa”³⁶.

Với tu sĩ linh mục và phó tế: “Tu sĩ linh mục và phó tế cần ý thức về hai khía cạnh trong một ơn gọi

³⁴ ĐGH Phanxicô, *Tông Hiến về Đời Sống các Nữ Tu Chiêm Niệm*, ngày 22-07-2016.

³⁵ ĐGH Phanxicô, *ibid.*

³⁶ ĐGH Phanxicô, *ibid.*

duy nhất của mình, ơn gọi sống trong Hội dòng và trong giáo phận. Họ phải sống hài hòa hai chiều kích là: (1) “họ phải có một nhận thức rõ rệt và những xác tín vững chắc về bản chất của thừa tác vụ linh mục và phó tế (thuộc về cơ cấu của Giáo hội), và (2) của đời tu (thuộc về sự thánh thiện và sự sống của Giáo hội), họ phải tuân giữ các nguyên tắc này như là những yếu tố căn bản của đời tu” (LG 44; PC 8; PI 108-109).

3. Truyền giáo theo đặc sủng của mỗi Hội dòng

Đặc sủng chính là “tiêu chuẩn chắc chắn nhất cho sự quyết định về ơn gọi và loại hoạt động của mỗi Hội dòng” (ET 11). “Đặc sủng luôn gắn liền với sứ mệnh truyền giáo, mỗi Hội dòng có một sứ mệnh truyền giáo riêng biệt, tùy theo đặc sủng của mình” (VC 19. 72. 46; PC 10. 20; GL 673-674. 676-677). Đối với các Hội dòng chiêm niệm, Giáo Luật viết: “Các tu sĩ sống đời chiêm niệm thuần túy thì tham gia vào hoạt động tông đồ theo đường lối riêng của họ. Họ dâng lên Thiên Chúa hy lễ ngợi khen tuyệt vời, họ trang điểm dân Chúa với những hoa trái dồi dào của sự thánh thiện, họ thúc đẩy dân Chúa bằng gương sáng và làm cho nó phát triển nhờ sự phong nhiêu kín nhiệm của mình” (GL 674).

Còn trong những Hội dòng hoạt động tông đồ, yếu tố đầu tiên để đặc sủng xuất hiện là sự nhận thức về một nhu cầu thiết yếu nào đó trong Giáo hội và ơn gọi để đáp ứng lại nhu cầu đó. Những đặc sủng khác nhau của các Hội dòng làm phong phú đời sống Giáo hội và góp phần vào sứ mệnh truyền giáo của Giáo hội theo tính cách riêng mỗi Hội dòng.³⁷ Mỗi Hội dòng có một sứ mệnh riêng trong Thân thể Chúa Kitô mà không ai khác có thể thay thế được. Nếu họ không thực hiện nó là họ khước từ kế hoạch của Thiên Chúa đã trao cho họ.

4. Trung thành một cách sáng tạo với Sứ vụ

“Các Bề trên và các phần tử hãy trung thành duy trì sứ mệnh và các công tác riêng của dòng. Tuy nhiên, họ hãy biết thích ứng chúng cách khôn ngoan chiếu theo nhu cầu của thời thế và địa phương, kể cả bằng việc sử dụng các phương tiện mới mẻ và thích ứng” (GL 677§1).

Trong bối cảnh xét lại các hình thức hoạt động tông đồ, văn kiện “Những yếu tố cốt yếu của đời tu” (số 27) đã đưa ra những khuyến cáo về ba con cảm dỗ

³⁷ Jesus Alvarez Gomez, *New Evangelization for the Third Millennium* (Quezon City: Claretian Publications, 1997), 78; VC 19.

khi xây dựng kế hoạch hoạt động tông đồ: (a) muốn ôm đồm mọi hình thức hoạt động tông đồ, (b) bỏ đi những hình thức hoạt động truyền thống theo đặc sủng của dòng, để chạy theo những hoạt động đáp ứng nhu cầu xã hội tức thời, nhưng lại không hợp với đặc sủng của dòng, (c) phân tán nhân lực dòng vào những hoạt động ngắn hạn, chỉ liên hệ đến đặc sủng một cách mơ hồ; do đó, với thời gian, tính cách đồng nhất trong việc thực hiện đặc sủng của dòng sẽ bị tổn thương (49).³⁸

Dù nhu cầu mục vụ cấp bách thế nào đi nữa, chúng ta luôn phải nhớ rằng: “Sự đóng góp tốt nhất mà một Hội dòng có thể đem lại cho Giáo hội là sự trung thành với đặc sủng của họ. Hội dòng càng hiện diện theo đặc sủng của mình, càng đem lại nhiều hoa trái” (FLC 61; MR 49-50).

Bởi đó, người tu sĩ trong mỗi Hội dòng cần thấm nhuần tinh thần của Đấng sáng lập. Đây là một trong những hướng dẫn chính của Công đồng Vatican II đối với việc canh tân và thích nghi của đời sống thánh hiến (PC 2). ĐGH Gioan Phaolô II cũng yêu cầu các Hội dòng “Phải chú tâm vào việc đào tạo theo đặc sủng riêng biệt của họ, để họ có thể thực hiện sứ mệnh loan

³⁸ Phan Tấn Thành, *Giải Thích Giáo Luật Quyển 2*- Dân Thiên Chúa, tập 4: Các Hội Dòng Tận Hiến và các Tu Đoàn Tông Đồ (Rôma, 1993), 762.

báo Tin Mừng tùy theo đặc sủng của mình” (VC 68, 72). Đặc sủng tạo nên linh đạo, lối sống, truyền thống và sứ mệnh của Hội dòng. Bởi đó, việc đào tạo theo đặc sủng sẽ giúp các thành viên trong Hội dòng ý thức được căn tính của mình, cũng như sứ mệnh đặc biệt mà họ được trao phó để xây dựng Giáo hội và phục vụ nước Thiên Chúa.

Trong Tông huấn Giáo hội tại Á Châu, ĐGH Gioan Phaolô II viết: “Tôi hiệp ý với các nghị phụ thượng hội đồng mà kêu gọi những người sống đời thánh hiến, canh tân sự nhiệt thành của họ trong việc loan báo chân lý cứu độ của Chúa Kitô. Tất cả phải được huấn luyện và đào tạo xứng hợp; nền huấn luyện này cần tập trung vào Chúa Kitô và trung thành với đoàn sủng nền tảng của họ, nhấn mạnh đến sự thánh thiện và chứng tá cá nhân; tu đức và lối sống của họ phải nhạy cảm với gia sản tôn giáo của dân tộc mà họ đang sống và phục vụ” (EA 44).

Chúa Thánh Thần là nguồn gốc mọi ơn gọi tận hiến, nên cần phải trung thành sáng tạo với đặc sủng/đoàn sủng (VC 36. 37. 73. 74), khi canh tân việc huấn luyện (VC 65. 68. 71. 80), sống linh đạo (VC 37. 93) và hoạt động tông đồ (VC 48. 63. 72).

5. Loan báo Tin Mừng: Chìa khóa sứ vụ

Sử liệu cho thấy, nhiều Hội dòng đã được thành lập để đáp ứng những hoàn cảnh lịch sử nào đó, và thực hiện một sứ mệnh bên trong hoặc bên ngoài cộng đoàn: qua việc hy sinh hãm mình và khẩn cầu cho trần thế bằng đời sống chiêm niệm, qua việc loan báo Tin Mừng và với nhiều hình thức phục vụ khác nhau.

Căn tính đời sống thánh hiến ngày nay dựa trên sứ mệnh truyền giáo, bởi vì đó chính là lý do cho sự hiện diện của họ (EE 23-24). “Tinh thần truyền giáo phải được tuyệt đối duy trì trong các Hội dòng và *tùy bản chất riêng của mỗi dòng mà thích nghi với hoàn cảnh hiện tại*, để việc rao giảng Phúc Âm giữa muôn dân được hữu hiệu” (PC 20). Nơi các Hội dòng hoạt động tông đồ “Hoạt động tông đồ và từ thiện thuộc về chính bản tính của đời sống tu trì” (PC 8). Giáo luật cũng tái khẳng định: “Việc tông đồ làm nên phần cốt yếu của các dòng chuyên biệt tông đồ. Vì vậy, toàn bộ đời sống của các thành viên phải được thấm nhuần tinh thần tông đồ, và toàn thể hoạt động tông đồ phải được chất chứa tinh thần tu trì” (GL 675§1). Người tu sĩ phải bước theo Chúa Kitô trên những con đường mà Ngài đã đi: cầu nguyện trên núi, rao giảng cho đám đông, chữa lành những người bệnh, khuyên nhủ các tội

nhân ăn năn sám hối, chúc lành cho trẻ em và ban ơn lành cho mọi người, trong tinh thần vâng phục thánh ý Chúa Cha (LG 46; PC 14; GL 577).

Có thể nói rằng sứ mệnh truyền giáo là chìa khóa để hiểu được đời sống thánh hiến ngày nay và mọi việc xảy ra trong đó. Không có một nhận thức mạnh mẽ về sứ mệnh truyền giáo, đời tu không còn ý nghĩa, không còn lý do để tồn tại. Do đó, “Họ cần ngoan ngoãn vâng theo sự thúc đẩy của Thần Khí để trở thành dụng cụ hữu hiệu cho Thiên Chúa trong việc loan báo Tin Mừng”.³⁹

Qua đó chúng ta thấy, đời sống thánh hiến luôn luôn gắn bó với liên quan đến sứ mệnh: “việc bắt chước Chúa Kitô, trở nên đồng hình đồng dạng với Ngài, chứng tá cộng đoàn và cá nhân, ơn gọi, đặc sủng, các lời khuyên Phúc Âm, đời sống huynh đệ trong cộng đoàn, những hoạt động đặc biệt của mỗi Hội dòng, ..., tất cả đều được nối kết với sứ mệnh. Không một khía cạnh nào có thể được hiểu và sống riêng rẽ được” (VC 72).

³⁹ Cristo Rey Garcia Paredes, CMF, “Mission: The Key to Understand Consecrated Life Today”. *Religious Life Asia* 6 (January-March 2004): 59-77; Marcello Azevedo, SJ, *Vocation for Mission- The Challenge of Religious Life Today* (New York: Paulist Press, 1988), 138.

Cách đặc biệt, đời sống thánh hiến phải trở thành dấu chỉ/chúng tá (VC 15.25.27. 32-35. 76.85.92. 104-105) và ngôn sứ (VC 33^a, 39. 84-95) trong thế giới hôm nay.

Tóm lại, người tu sĩ cần phải biết được căn tính ơn gọi của mình trong Giáo hội. Họ phải giữ gìn, đào sâu và sống trung thành với lòng biết ơn đối với đặc sủng mà Đấng sáng lập đã nhận được và truyền lại cho họ. Mỗi Hội dòng có một linh đạo riêng, một sứ vụ riêng tùy theo đặc sủng của dòng mình. Việc đào tạo, sống và hoạt động theo linh đạo và sứ vụ sẽ tạo nên nét riêng biệt của mỗi Hội dòng. Muốn có đổi mới, chúng ta cần biết chúng ta là ai. Mỗi Hội dòng phải ra sức giữ lấy căn tính của mình để khỏi rơi vào tình trạng mập mờ, không xác định được vị trí và nhiệm vụ của mình trong đời sống Giáo hội (FLC 46).

V. HỘI DÒNG XITÔ THÁNH GIA

1. Đặc sủng

“Đời tận hiến chuyên về chiêm niệm”.

Ơn gọi đan tu Xitô Thánh Gia được tổ chức “theo truyền thống đan tu chân chính, như đã được kết tinh

trong luật thánh tổ Biển Đức và tinh thần Xitô sơ khởi và theo trí ý Đấng sáng lập Hội dòng”.⁴⁰

Tổng Hội của Hội dòng minh định lại: “Theo tinh thần Tổ phụ Henri Denis Benoit, cuộc sống đan tu Xitô Thánh Gia là một đời tận hiến chuyên về chiêm niệm”.⁴¹ Mà tinh thần Xitô nguyên thủy và trí ý của Đấng sáng lập đó là: lòng mộ mến tìm lại tinh thần nguyên thủy theo Tu luật thánh Biển Đức.

2. Linh đạo

Linh Đạo của Hội Dòng Xitô Thánh Gia dựa trên Tu Luật thánh Biển Đức và truyền thống đan tu Xitô, với châm ngôn là *Cầu Nguyện và Lao Động* (Ora et Labora). Tuy nhiên, Đức Kitô luôn luôn là trung tâm điểm đời sống và sinh hoạt của các đan sĩ: “Tuyệt đối không lấy gì hơn Chúa Kitô” (Tu Luật 72,11). Nói cách khác, thánh Biển Đức dạy các đan sĩ tập sống dưới sự hiện diện của Thiên Chúa xuyên qua đời sống cầu nguyện và công việc hằng ngày.

* *Cầu nguyện*

⁴⁰ Tuyên Ngôn Hội Dòng Xitô Thánh Gia (HDXTTG), số 5.

⁴¹ Tuyên Ngôn HDXTTG, số 3.

Đan viện là “trường phụng sự Chúa” (TL. Lời mở 45). Đó chính là nơi người ta có thể học biết nghệ thuật phụng sự Chúa. Sống để phụng sự Chúa, trong một cuộc sống tuân phục và tôn thờ qua cử hành phụng vụ trở thành một ràng buộc đối với đan sĩ (Tu Luật 53; 50, 4; 18, 24).

Đặc biệt trong kinh nguyện đan sĩ tìm và gặp Chúa, nhận ra thánh ý Chúa. Chính trong kinh nguyện mà đan sĩ nhận được sức mạnh để chu toàn thánh ý Chúa. Thánh ý Chúa được áp dụng cho cộng đoàn, do vậy cần nhấn mạnh đến kinh nguyện chung, đồng thời thánh ý Chúa cũng liên quan tới từng đan sĩ, do vậy cũng nhấn mạnh đến kinh nguyện cá nhân.

Tìm Chúa trong việc đọc sách thánh (Lectio divina): Tu Luật Biển Đức, có thể giúp chúng ta hiểu được Lectio divina là gì. Cụm từ này được dùng để chỉ Sách Kinh Thánh (Tu Luật 2, 5; 7, 1; 9, 8; 28, 3; 31, 16; 53, 9; 64, 9; 73, 3), sự hiện diện của Chúa (Tu Luật 19, 1), việc đọc Sách Thánh (Tu Luật 48, 1) và kinh nguyện cộng đoàn (Tu Luật 19, 2; 43, 1). Như thế Lectio divina chỉ việc đọc Kinh Thánh trong tâm tình cầu nguyện và suy niệm trước nhan thánh Chúa. Thánh Biển Đức yêu cầu đan sĩ đọc hết các sách trong Cựu Ước và Tân Ước (Tu Luật 9, 8; 42, 4; 73, 3), những bài

viết của các Giáo phụ (Tu Luật 9, 8; 73, 4), các tác phẩm quan trọng của đan tu (Tu Luật 42, 3; 73, 5).

Trước hết Lectio divina là việc đọc và học hỏi Lời Chúa. Nếu ta muốn Lectio divina đem lại ích lợi thực tiễn, thì cần phải có những tâm thái đúng đắn trong khi cầu nguyện, như: “khiêm tốn, tôn kính và với lòng sốt sắng tinh tuyền” (Tu Luật 2, 1-2).

Thánh Biển Đức còn khuyên đan sĩ phải dành nhiều giờ để đọc và học các Thánh Kinh và những Bài đọc của các giáo phụ (Tu Luật 8, 3). Cùng với ý tưởng này được kèm trong lời khuyên khi cầu nguyện: “tâm trí hòa hợp với lời ca” (Tu Luật 19, 7). Lời thoát ra khỏi môi miệng phải xuất phát từ tâm trí. Chính Lectio divina đem lại ơn huệ này. Lectio divina cũng là một điều kiện cần thiết để việc cử hành Thánh Lễ được phong phú, mà Thánh Lễ phải là trung tâm của phụng vụ đan tu.

*** Lao động**

Có thể nói, chương 48 của Tu Luật Biển Đức cho một định nghĩa về đan sĩ: “Một đan sĩ đích thật là người sống bằng chính công việc do mình làm ra” (Tu Luật 48, 8). Đối với thánh Biển Đức, đan sĩ không chỉ là “một lao công hay một người làm việc tay chân”, nhưng còn có nhiều loại công việc khác nhau (Tu Luật

46, 1; 48; 57, 1; 66, 6); tuy nhiên, dường như thánh Biển Đức thiên về công việc tay chân (đồng áng) nhiều hơn. Điều đó rất rõ ràng trong bối cảnh của Tu Luật 48, 8: “Nếu vì hoàn cảnh của địa phương hay vì nghèo mà họ phải lo trồng trọt, thu hoạch, thì cũng đừng buồn” (Tu Luật 48, 7). Nơi khác nhắc đến: “rau và hoa quả tươi” (Tu Luật 39, 3) là sản phẩm do các đan sĩ làm ra.

Việc nhắc đến “ruộng vườn” trong Tu Luật 48; 41, 4 cũng rất quan trọng. Theo tinh thần thánh Biển Đức làm việc và ăn uống liên quan mật thiết với nhau (Tu Luật 39, 3, 6; 40, 5; 48, 7-8) không những với ý nghĩa đan sĩ ăn để có sức làm, nhưng cũng có ý nghĩa đan sĩ làm để có cái mà ăn. Việc nhắc đến những “anh em làm việc ở xa đan viện” (Tu Luật 50, 1) có lẽ cũng vì họ làm liên tục nhiều giờ, điều này liên quan tới những công việc đồng áng.

3. Sứ vụ của Hội dòng⁴²

- Cung cấp cho các linh hồn được Chúa mời gọi sống đời chiêm tu, những phương thế thích hợp để đạt tới đức ái hoàn hảo.

⁴² Hiến Pháp Hội Dòng Xitô Thánh Gia (HDXTTG), số 2 và 3.

- Phục vụ Giáo hội bằng đời sống cầu nguyện và hy sinh, tham gia việc cứu rỗi các linh hồn chưa nhận biết Chúa và tôn thờ Thiên Chúa.

- Sinh hoạt đan tu trong Hội dòng được tổ chức theo các nguyên tắc Tin Mừng, được trình bày trong giáo huấn Giáo hội, trong Tu Luật thánh Biển Đức, trong các yếu tố căn bản của đời đan tu Xitô, đồng thời theo tinh thần của Đấng sáng lập đã được vạch ra trong bản Hiến pháp của Hội dòng.

4. Những yếu tố căn bản khác

Ngoài việc tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm: khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục, đời sống Hội dòng Xitô Thánh Gia còn có thêm hai lời khấn là “vĩnh cư và canh tân đời sống”, được thể hiện qua những yếu tố căn bản của đời đan tu như:

- Luật nội vi: thung lặn
- Cử hành phụng vụ: Các giờ Thần vụ - Thánh lễ
- Đọc sách thiêng liêng và cầu nguyện riêng
- Khổ chế: chay tịnh và canh thức
- Đời sống cộng đoàn: cộng tu
- Lao động: tri thức và chân tay.

Tóm lại, linh đạo Xitô Thánh Gia là đời sống chiêm niệm, đời sống cầu nguyện và lao động (Ora et Labora) bắt nguồn từ tinh thần thánh Biển Đức, truyền thống Xitô nguyên thủy và tri ý Đáng sáng lập dòng tại Việt Nam là Cha Henri Denis Biển Đức Thuận.

PHỤ LỤC

I. ĐOÀN SÙNG

1. Khái niệm

Đoàn sùng thì phong phú và đa dạng, nhưng có một số đoàn sùng xem ra thường xuyên hơn cả, ví như: lãnh đạo, giảng dạy, an ủi, làm việc từ thiện.

Các tu sĩ cũng được liệt vào hàng ngũ đoàn sùng, bởi vì không những vì biết bao công việc họ thực hiện để phục vụ cộng đoàn, nhưng còn vì họ thôi thúc cộng đoàn nên thánh qua việc tận hiến cho Thiên Chúa, “Đáng đáng mến trên hết mọi sự” (GLHTCG, số 799-801, 951; 2003-2004).

Trong tiếng Việt “charism” có thể hiểu theo hai nghĩa là: đặc sùng và đoàn sùng. Đoàn sùng hiểu theo nghĩa là hồng ân được ban nhằm ích lợi của cộng đoàn Hội thánh. Còn dịch là “đặc sùng” vì xét tính cách đặc biệt của nó, theo nghĩa là không phải ai ai cũng nhận được (như trường hợp ơn thánh sùng), nhưng chỉ một số người nào đó mà thôi, tùy theo Thánh Thần ban.

Có nhiều đoàn sủng nhưng thiết tưởng không thể nào bỏ qua “đoàn sủng chân lý” (charisma veritatis) được ban cho Hội thánh. Thực vậy, Chúa Giêsu đã hứa sai phái Thánh Thần chân lý đến với Hội thánh, để giúp Hội thánh đào sâu thêm chân lý của Lời Chúa và trung thành với chân lý. Đoàn sủng này quen gọi là “ơn bất khả ngộ”. Những đoàn sủng khác được ban cho cá nhân để họ phục vụ ích lợi của Hội thánh, còn đoàn sủng chân lý thì ban cho chính Hội thánh xét như một cộng đoàn hiệp nhất.

2. Định nghĩa

Đoàn sủng (Charism) là ơn riêng mà Thiên Chúa ban qua Chúa Thánh Thần cho một cá nhân hay một đoàn thể dựa trên mục đích mà cá nhân hoặc đoàn thể ấy hướng đến việc phục vụ cộng đoàn hoặc Giáo hội.

II. ÂN SỦNG⁴³

1. Khái niệm

Tiếng Hy Lạp (kháris), tiếng Anh (grace), tiếng Latinh (gratia), tiếng Việt là ân sủng hay ân huệ. Ân sủng là ơn của Thiên Chúa; mà ơn căn bản nhất đó là

⁴³ <http://5phuTu.Luat.oichua.net/mainsite/node/an-sung>, accessed on Jan 31 2013.

ơn được làm con cái Thiên Chúa, nhờ Chúa Giêsu Kitô (Rm 8,32), ân huệ này chứa đựng tất cả mọi ơn khác.

Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo giải thích: "Ân sủng là một ân huệ, một trợ giúp nhưng không mà Thiên Chúa ban cho ta để ta đáp lại tiếng gọi của Ngài: trở thành con cái Thiên Chúa" (GLHTCG, số 1996; Ga 1,12-18), làm nghĩa tử (Rm 8,14-17), tham dự vào bản tính Thiên Chúa (2Pr 1,3-4) và vào sự sống muôn đời (Ga 17,1-3). Nói cách khác, ân sủng là một ơn giúp ta có khả năng tham dự vào sự sống đời đời với Thiên Chúa Ba Ngôi: "Nhờ bí tích Rửa Tội, Kitô hữu tham dự vào ân sủng của Đức Kitô, là Đầu của thân thể..." (GLHTCG, số 1997).

Ân sủng của Đức Kitô là gì? Đó là "Hồng ân nhưng không, Thiên Chúa cho chúng ta từ sự sống của Ngài, nhờ Chúa Thánh Thần tuôn đổ vào linh hồn chúng ta để chữa trị nó khỏi tội lỗi và thánh hóa nó; đó là ơn thánh hóa hay ơn thần linh hóa, được lãnh nhận trong bí tích Rửa Tội. Ân sủng này là nguồn mạch của công trình thánh hóa trong chúng ta" (GLHTCG, số 1999): "Phàm ai ở trong Đức Kitô đều là thọ tạo mới. Cái cũ đã qua, và cái mới đã có đây rồi. Mọi sự ấy đều do bởi Thiên Chúa là Đấng đã nhờ Đức Kitô mà cho chúng ta được hoà giải với Người" (2Cr 5,17-18).

“Ơn gọi vào sự sống vĩnh cửu của Ba Ngôi Thiên Chúa là một ơn siêu nhiên, tùy thuộc hoàn toàn vào sáng kiến nhưng không của Thiên Chúa, chỉ mình Ngài có thể tự mạc khải và tự ban tặng chính Minh. Ơn ấy vượt mọi khả năng của trí tuệ và ý chí con người cũng như của mọi thụ tạo” (1Cr 2,7-9; GLHTCG, số 1998).

2. Định nghĩa

- “Ân sủng là một ân huệ, một sự trợ giúp nhưng không mà Thiên Chúa ban để chúng ta đáp lại tiếng gọi của Ngài: trở thành con cái Thiên Chúa, làm nghĩa tử của Ngài, được tham dự vào bản tính thần linh, và được sự sống vĩnh cửu” (GLHTCG, số 1996).

- “Ân sủng là sự trợ giúp của Thiên Chúa để chúng ta đáp lại lời mời gọi làm nghĩa tử của Ngài. Ân sủng đưa chúng ta vào cuộc sống thâm sâu của Ba Ngôi Thiên Chúa” (GLHTCG, số 2021).

3. Các loại ân sủng

Ân sủng được chia thành hai loại: ơn hiện sủng (*gratiae actuales*) và ơn thường sủng (*gratia habitualis*).

- Ơn hiện sủng là những ân sủng bí tích (*gratiae sacramentales*), là những hồng ân riêng cho những bí

tích khác nhau. Nói cách khác, ơn hiện sủng là sự trợ giúp siêu nhiên ban tạm thời, nghĩa là chỉ ban cho con người tùy lúc và tùy hoàn cảnh, hoặc trong tiến trình của công cuộc thánh hóa. Chúa cũng ban hiện sủng cho con người để tiến tới ơn thường sủng.

- Ôn thường sủng là “ơn Chúa ban trong linh hồn chúng ta một cách thường xuyên để ta sống và hành động theo lời kêu gọi của Thiên Chúa” (GLHTCG, số 2000). Ôn thường sủng cũng có thể gọi là ân sủng đặc biệt (special grace), hay là đặc sủng (charism). Theo thánh Phaolô thì "Có nhiều đặc sủng khác nhau, nhưng chỉ có một Thần Khí. Có nhiều việc phục vụ khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa. Có nhiều hoạt động khác nhau, nhưng vẫn chỉ có một Thiên Chúa làm mọi sự trong mọi người. Thần Khí tỏ mình ra nơi mỗi người một cách, là vì ích chung: người thì được Thần Khí ban cho ơn khôn ngoan để giảng dạy, người thì được Thần Khí ban cho ơn hiểu biết để trình bày. Kẻ thì được Thần Khí ban cho lòng tin; kẻ thì cũng được chính Thần Khí duy nhất ấy ban cho những đặc sủng để chữa bệnh. Người thì được ơn làm phép lạ, người thì được ơn nói tiên tri; kẻ thì được ơn phân định Thần Khí; kẻ khác thì được ơn nói các thứ tiếng lạ; kẻ khác nữa lại được ơn giải thích các tiếng lạ” (1Cr 12, 4-11).

- *Lưu ý*: “Đặc sứng đều quy hướng về ơn thánh hóa và có mục đích phục vụ lợi ích chung của Hội thánh. Các đặc sứng đều phục vụ cho đức mến để xây dựng Hội thánh” (GLHTCG, số 2003). Còn "Ơn thánh hóa là một ân huệ thường tồn, một trạng thái siêu nhiên bền vững, hoàn thiện linh hồn để chúng ta có thể sống với Thiên Chúa và hành động nhờ tình yêu Ngài” (GLHTCG, số 2000).

PHẦN II

CÂU HỎI VÀ TRẢ LỜI

1. Đặc sủng là gì?

Đặc sủng là một ân huệ hay còn gọi là món quà của Chúa Thánh Thần (*the gift of the Holy Spirit*) ban cho con người để phục vụ vì lợi ích chung.

“Đặc sủng là những ân sủng của Chúa Thánh Thần, đều hữu ích cho Hội thánh cách trực tiếp hay gián tiếp, theo mức độ các đặc sủng đó quy về việc xây dựng Hội thánh, về việc mưu ích cho con người và về những nhu cầu của trần gian” (GLHTCG, số 799).

2. Những ơn huệ của Thánh Thần thường đề cập dưới cái nhìn của Kinh Thánh?

Theo Cựu Ước, có 7 ơn huệ được trình bày ở sách ngôn sứ Isaia: “Ơn khôn ngoan, Ơn hiểu biết, Ơn Lo Liệu, Ơn Sức Mạnh, Ơn Thông minh, Ơn Đạo Đức, và Ơn kính sợ Thiên Chúa” (Is 11, 2-3).

Trong Tân Ước thì gọi là đặc sủng, nghĩa là những ơn huệ đặc biệt Thiên Chúa ban xuống cho ta để phục vụ người khác cũng như phục vụ Giáo hội. Theo thánh Phaolô thì có 9 đặc sủng của Chúa Thánh Thần: “Khôn ngoan, Hiểu biết (hay trí tri), Đức tin, Chữa lành, Làm phép lạ, Nói tiên tri, Biện phân các thần khí, Nói các tiếng lạ và Giải thích tiếng lạ” (1Cr 12, 4-10).

3. Đặc sủng được phát xuất từ đâu?

Thưa đặc sủng tuy nhiều nhưng được phát xuất từ một nguồn gốc là Thánh Thần, nhằm về một mục đích là để xây dựng Hội thánh (1Cr 12, 4-11; Rm 12, 3-5).

4. Đời sống thánh hiến có được gọi là một đặc sủng không?

Thưa có, vì đời sống thánh hiến là ân huệ của Chúa Thánh Thần khơi dậy nơi các tín hữu lòng khao khát nên trọn lành, bước theo Chúa Kitô qua việc sống các lời khuyên Phúc Âm cách triệt để (LG 43; PC 1, VC 1). Chính vì thế mà đời sống thánh hiến tự nó là một đặc sủng, là một ân huệ đặc biệt được ban cho toàn thể Giáo hội (LG 43; ET 2, 11; MR 2, 11).

5. Phải chăng mỗi Hội dòng có một đặc sủng khác nhau, vì sao?

Đúng thế, Công đồng Vatican II còn nhấn mạnh đến tính cách đa dạng của các Hội dòng tùy theo đặc tính riêng của chúng (PC 1. 7-11). “Mỗi Hội dòng, qua sự cộng tác của Đấng Sáng Lập, đã đem lại một ơn gọi đặc biệt, như một ân huệ do Chúa Thánh Thần khơi dậy” (LG 45; PC 1-2).

6. Thế nào là đặc sủng của Đấng sáng lập?

Đặc sủng của Đấng sáng lập biểu lộ như là một kinh nghiệm về Thần Khí, được truyền lại cho các môn đệ của họ để sống, giữ gìn, đào sâu và không ngừng phát triển trong sự hài hòa với Thân Thể Chúa Kitô đang không ngừng lớn lên. Vì lý do này mà đặc tính của mỗi Hội dòng khác nhau được Giáo hội bảo tồn và nuôi dưỡng (LG 44; CD 33-35).

7. Đặc sủng là yếu tố chính tạo nên sự khác biệt giữa các Hội dòng hay các tu hội?

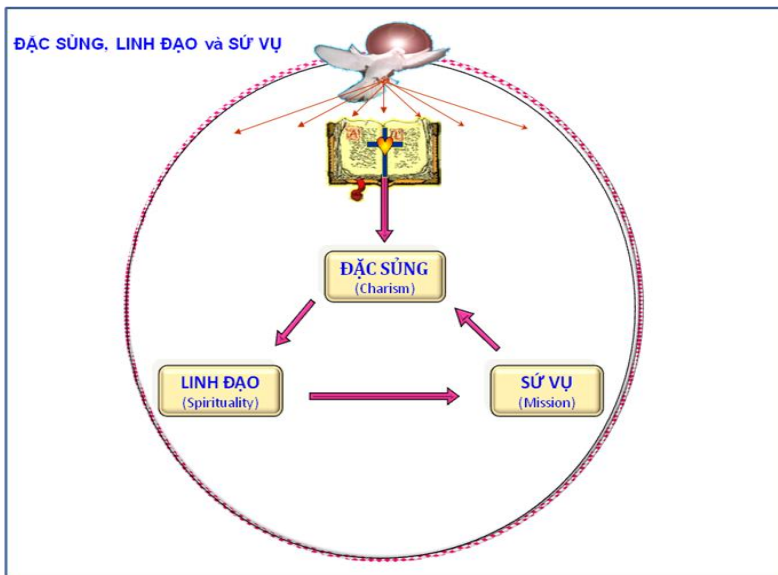
Đúng vậy đặc sủng là căn tính tạo nên sự khác biệt giữa Hội dòng này với Hội dòng khác. Đặc sủng chính là sức sống, là nguồn mạch của mọi hoạt động tông đồ của mỗi Hội dòng.

Vì thế mà ĐGH Phaolô VI đã kêu gọi các cộng đoàn tu trì phải trung thành với tinh thần, với những ý

hướng Phúc Âm và gương thánh thiện của Đấng sáng lập. Chính ở đây mà các Hội dòng tìm thấy nguồn gốc của họ (ET 11-12).

8. Bạn hãy trình bày một số yếu tố chính tạo nên một Hội dòng hay Tu hội.

Có ba yếu tố căn bản tạo nên một Hội dòng hay một tu hội, đó là đặc sủng, linh đạo và sứ vụ. Mỗi Hội dòng cần phải trung thành với căn tính của mình, nghĩa là trung thành với đặc sủng, linh đạo và sứ vụ riêng biệt mà Đấng sáng lập đã truyền lại cho họ.



9. Giáo hội có văn kiện nào khẳng định về điều này?

Có nhiều văn kiện của Giáo hội khẳng định đặc sủng của Đấng sáng lập là yếu tố tạo nên sự hiệp nhất trong Hội dòng: “Nền tảng của sự hiệp nhất là sự hiệp thông trong Chúa Kitô được củng cố bởi đặc sủng duy nhất của Đấng sáng lập” (EE 18). Vì thế, việc quy chiếu về Đấng sáng lập dòng và về đặc sủng mà vị ấy đã sống và thông truyền, giữ gìn và phát triển qua suốt cuộc sống của Hội dòng (MR 11), được coi là yếu tố thiết yếu cho sự hợp nhất của Hội dòng.

10. Linh đạo là gì?

- Linh đạo là con đường thiêng liêng đưa con người trở về với Thiên Chúa, hiệp nhất với Ngài trong một tình yêu bền vững.

- Linh đạo là một lộ trình thiêng liêng nhằm dẫn tới cuộc đời thoải liên li giữa con người với Thiên Chúa tình yêu (Thomas Merton).

- Nói cách khác, linh đạo là cách thức sống đời sống thiêng liêng (the way of the spiritual life).

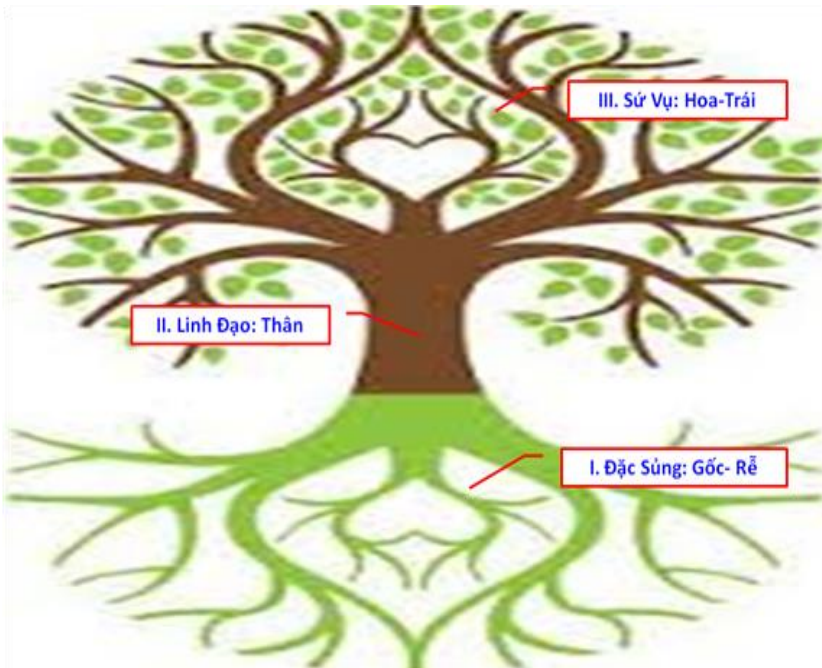
11. Sứ vụ là gì?

Sứ vụ là hoa trái được sinh ra từ đặc sủng và linh đạo. Mỗi Hội dòng được thành lập là để phục vụ Giáo

hội, làm cho Giáo hội thêm phong phú qua đặc sủng, linh đạo và sứ vụ riêng biệt của mình (MR 14^b).

12. Ba yếu tố chính: đặc sủng, linh đạo và sứ vụ có thể ví như ‘cây’ đời sống thánh hiến?

Chúng ta có thể ví như vậy, đặc sủng được ví như là gốc rễ; linh đạo là thân cây, và sứ vụ là hoa trái. Mỗi Hội dòng cần phải trung thành với đặc tính của mình, nghĩa là trung thành với đặc sủng, linh đạo và sứ vụ riêng biệt mà Đấng sáng lập đã truyền lại, mục đích là sinh hoa kết trái cho Chúa và Giáo hội.



13. Các Hội dòng có cần phải trung thành với sứ vụ?

“Các Bề trên và mọi thành phần hãy trung thành duy trì sứ vụ và các công tác riêng của dòng. Họ phải biết thích ứng cách khôn ngoan chiếu theo nhu cầu của thời thế và địa phương, kể cả việc sử dụng các phương tiện mới mẻ để thích ứng” (GL 677§1).

Tuy nhiên, các đan sĩ phải luôn nhớ rằng, sự đóng góp tốt nhất và hữu hiệu nhất mà Hội dòng có thể đem lại cho Giáo hội là sự trung thành với đoàn sủng của họ. Hội dòng càng hiện diện và sống trung thành với đoàn sủng của mình, thì càng đem lại nhiều hoa trái thiêng liêng cho Giáo hội (MR 49-50).

14. Những yếu tố nào cấu thành ơn gọi đan tu trong các thế kỷ đầu của tu trào đan tu?

Thưa, có ba yếu tố chính, đó là: thoát ly thế gian, thực hành khổ chế, và khát vọng thần bí.

15. Trong các trình thuật về các thánh tử đạo, chúng ta thấy đề tài quan trọng sẽ được triển khai trong linh đạo đan tu?

Thưa, đó là cuộc chiến thiêng liêng và noi gương Chúa Giêsu.

16. Tại sao các đan sĩ “cột” thời xưa lại cột mình trên cao?

Thưa, có nhiều lối giải thích, nhưng một trong các lối cắt nghĩa rằng, vì họ ước muốn gặp gỡ Thiên Chúa và làm trung gian giữa Thiên Chúa và con người.

17. Người được coi là Tổ phụ của đời sống ẩn tu có để lại bút ký, đó là ai?

Thưa, người được coi là ẩn sĩ đầu tiên có để lại bút tích, đó là thánh Antôn (251-356). Có những bản văn do chính ngài viết hay người khác viết về ngài (tất cả có 7 lá thư, bàn đến việc trở lại và khổ chế). Ngoài ra Antôn còn để lại hơn 38 câu châm ngôn. Còn “tiểu sử thánh Antôn”, do thánh Giám mục Athanasiô viết.

18. Bạn có thể kể các giai đoạn ơn gọi thánh Antôn?

Giai đoạn I, ơn gọi bìa làng. Giai đoạn II, ở ngôi mộ trống. Giai đoạn III, nơi sa mạc, trong pháo đài, và giai đoạn IV là tiến vào sâu trong sa mạc, nơi cô tịch, vắng bóng người.

19. Thường người ta xếp thành mấy bộ luật đan tu vào những thế kỷ đầu?

Thưa, có ba bộ luật, ta thường gọi là “Bộ Luật Mẹ, tiếp sau đó là Luật Thầy”. Trong đó Luật Pacômiô từ Ai-cập; Luật Augustinô từ Bắc Phi, và Luật thánh Basiliô, xuất phát từ Tiểu Á là những bộ luật mẹ. Còn bài Giáo huấn của các tổ phụ và Thề Chế Đan Tu của Gioan Cassianô gọi là luật thầy.

20. Theo thánh Basiliô tương quan giữa sự tuân phục và mức độ tình yêu Chúa là gì?

Thánh Basiliô nói: “sự tuân phục và tình yêu liên kết mật thiết với nhau. Không có mức độ cho tình yêu Thiên Chúa, thì cũng không thể có mức độ cho sự tuân phục đối với người đan sĩ: tuân phục vô điều kiện”.

21. Đạo lý trong cuốn sách của đan sĩ Évagre về cầu nguyện là gì?

Thưa, Évagre đời sống cầu nguyện, chiêm niệm theo ba tầng. Tầng thứ nhất là chiêm ngắm những vật được tạo thành và rơi vào các giác quan của chúng ta. Tầng thứ hai là những hữu thể không rơi vào các giác quan của chúng ta, đó là những bản tính thiêng liêng là các thiên thần hay các thánh. Tầng thứ ba là chiêm ngưỡng Thiên Chúa, hữu thể duy nhất và đơn giản. Sự chiêm ngắm này được thực hiện mà không cần tư tưởng, nhưng bằng một cái nhìn đơn giản của tâm trí.

22. Đối với thánh Augustinô và thánh Basiliô thì qui luật của những “Kitô hữu hoàn hảo” là gì?

Thưa đó là Phúc Âm và đức ái. Tất cả lề luật nhằm giải thoát chúng ta khỏi mọi lợi riêng tư để trọn vẹn cho Thiên Chúa và anh em, đó là ý nghĩa thiết thực trong đời sống đan tu.

23. Tu Luật thánh Biển Đức được viết theo hoàn cảnh nào?

Bộ Luật Đan Sĩ được thánh Biển Đức viết theo cảm hứng từ các Tổ phụ sống đời đan tu và những bậc Thầy trong đường tu đức. Cụ thể được cảm hứng vừa theo hướng viện tu chiều ngang (Luật Mẹ: Pacômiô, Basiliô và Augustinô), và viện tu chiều dọc (Luật Thầy: Thê Chê Đan Tu, giáo huấn của các tác giả vô danh và những bài huấn đức của các linh phụ đan tu).

24. Theo thánh Biển Đức, đan viện là gì đối với người đến gõ cửa?

“Đan viện là trường học phụng sự Chúa” (TL. Lời mở 45), trong đó các đan sĩ được Tin Mừng hướng dẫn (TL. Lời mở 20), sống chung với nhau và chiến đấu dưới một Tu Luật được viết cho những người mới

khởi sự đòi tu và dưới quyền một viện phụ (Tu Luật 1, 2; 73, 8).

25. Thánh Biển Đức đòi hỏi gì nơi những người mới gia nhập đan viện?

Người gia nhập đan viện phải thực tâm tìm Chúa, mộ mến thần vụ, yêu thích vâng lời và ham chuộng si nhục, đó là mục đích chính. Tất cả những lý do khác đều lệ thuộc lý do chính yếu này (Tu Luật 58, 7).

26. Tầm quan trọng chữ “lắng nghe” trong Tu Luật như thế nào?

Thánh Biển Đức dành cho chủ đề “lắng nghe” một vai trò chủ yếu của người mới gia nhập. “Hỡi con, hãy nghe những lời dạy của Thầy... Hãy sẵn lòng nhận lấy giáo huấn của một người cha nhân từ (TL. Lời mở 1). Lắng nghe, dường như một “con đường” tìm kiếm dẫn đến Thiên Chúa (TL. Lời mở 27; 7, 52). Bằng một thái độ cởi mở, đan sĩ trẻ sẽ nghe đọc Tu Luật (ch. 58), và việc này sẽ còn trải dài trọn cuộc sống của đan sĩ (Tu Luật 66, 8).

27. Đâu là điều cần thiết giúp ta lắng nghe tiếng Chúa?

Đó là thính lặng. Thính lặng là phương thể không thể thiếu để ta có thể lắng nghe tiếng Chúa. Khi trung thành giữ những giờ thính lặng, tâm hồn chúng ta được chuẩn bị để lắng nghe Lời Chúa, để đón nhận và kiên toàn Lời Chúa cách quảng đại hơn. Như vậy, thính lặng phải là yêu sách của đời sống đan tu, là môi trường sống của các đan sĩ (Tu Luật 4, 52; 6, 1-8; 42, 1; 49, 7; 67, 5).

28. Dấu chỉ một đan sĩ tìm kiếm Thiên Chúa?

Theo Tu Luật Biển Đức (TL 58, 7) chỉ định:

- Thực tâm tìm Chúa
- Mộ mến Thần Vụ
- Yêu mến vâng lời
- Ham chuộng sỉ nhục.

Đan sĩ phải tìm Chúa, nhất là trong Kinh Thánh và Thánh Vịnh (TL. Lời mở 14-20). Chính nơi đó Thiên Chúa tìm và nói với con người bằng chính ngôn ngữ con người, cũng chính nơi đó con người nghe và gặp Chúa.

29. Ai là người khởi xướng trong việc tìm kiếm này?

Theo Kinh Thánh cũng như theo thánh Biển Đức, đó là một cuộc tìm kiếm hỗ tương. Thiên Chúa khởi sự

“tìm con người”. Nhìn lại Kinh Thánh ta thấy, ơn gọi của các Tổ phụ và các Ngôn sứ trong Cựu Ước (St 12, 1-3; Xh 3, 7-12; 1Sm 3, 1-14; 16, 11-13; Is 6, 1-13; 42, 6-7; 49, 1-6; Gr 1, 4-10; Ed 3, 1-4), rồi ơn gọi của Đức Trinh Nữ Maria và các Tông Đồ trong Tân Ước (Lc 1, 26-38; Mt 4, 18-22; Mt 9, 9; Mc 3, 13-18; 1Cr 15, 9; Gal 1, 11-16). Chính Thiên Chúa tìm kiếm con người trong Lời của Ngài.

Thánh Biển Đức nhắc lại lời Thánh Vịnh: “Từ trời cao, Thiên Chúa nhìn xuống loài người, xem ai là kẻ có lương tri, biết kiếm tìm Thiên Chúa” (Tv 13, 2; Tu Luật 7, 27). Thiên Chúa luôn đi tìm con người, còn việc chúng ta tìm kiếm Thiên Chúa là một lời mời gọi đáp trả qua việc lắng nghe và thực hành ý Ngài. Nơi khác, thánh Biển Đức thăm vấn môn sinh rằng: *“Ai là người thiết tha được sống, ước ao hưởng chuỗi ngày hạnh phúc chứa chan?”* (TL. Lời mở 15; Tv 33, 13).

Thiên Chúa không đi tìm khả năng, cũng không đi tìm việc phục vụ của tôi. Điều Ngài kiếm tìm là chính con người tôi và ước mong cho tôi có sự sống và sống dồi dào.

30. Đây là những trích dẫn phản ánh ý nghĩa đó của sự tìm kiếm:

- TL. Lời mở 14: Chúa tìm thợ...
- Tu Luật 2, 35: Trước hết hãy tìm kiếm Chúa...
- Tu Luật 27, 8: Mục tử nhân lành tìm con chiên lạc.
- Tu Luật 58: Tập sinh có thực tâm tìm Chúa.

31. Đâu là Nước Thiên Chúa mà Tu Luật khuyến khích chúng ta tìm kiếm? (ch. 2, 35)

Trong thư gửi các tín hữu Rôma, thánh Phaolô dạy: “Nước Chúa không phải là chuyện ăn uống, nhưng là sự công chính, an bình và hoan lạc trong Thánh Thần” (Rm 14, 17).

Tám mối Phúc là bản Hiến Chương của Nước Trời (Mt 5, 1-12). Kinh Lạy Cha (Mt 6, 9-13; Lc 11, 1-4) cũng nói về điều này (GLHTCG, số 2763-2764). Việc nhập thể của Vương Quốc này ở trần gian chính là Đức Kitô, người có tâm hồn khó nghèo, khiêm hạ, Đáng an ủi và kẻ được ủi an; là kẻ đói khát sự công chính, Đáng hay thương xót, kẻ có lòng trong sạch; là sự an bình và là người đem sự bình an; là kẻ bị bách hại vì sự công chính.

Nếu đan sĩ cùng chiến đấu với Đức Kitô, là Vua, là Chúa của mình (TL. Lời mở 3), và nếu đan sĩ sống trong trường dạy phụng sự Chúa (TL. Lời mở 45), thì ở đó người đan sĩ cũng học noi gương bằng cách

phụng sự Ngài (TL. Lời mở 6), với những ơn huệ và tài năng đã lãnh nhận nơi Ngài. Thiên Chúa hiện diện trong những anh em đau yếu (Tu Luật 36), trong những người khách vắng lai (Tu Luật 53), trong viện phụ (Tu Luật 2 và 63) và trong cộng đoàn (Tu Luật 71). Tận dụng ngày giờ như một ân ban (TL. Lời mở 35), khi đó người đan sĩ sẽ trở thành phiến đá xây dựng Nhà Chúa (Tu Luật 31; 53; 64) là chính đan viện của chúng ta.

32. Theo Tu Luật, ưu tiên nhất của đan sĩ là gì?

Đan sĩ không được chọn lựa gì khác, ngoài tình yêu Đức Kitô. Chỉ có một tình yêu Đức Kitô, nhờ Người mà ta kết hiệp được với Thiên Chúa (Tu Luật 4, 21; 5, 1-2 và 72, 11).

33. Theo thánh Biển Đức, Đức Kitô là ai đối với đan sĩ?

Đức Kitô là Chúa, là Cha, là Thầy, là Vua, là Mục tử, là Thầy thuốc, là người thật và Chúa thật, đã chết và đã sống lại, hiện diện giữa chúng ta trong bí tích Thánh Thể và các giờ cầu nguyện.

Thánh Biển Đức đã cảnh cáo các đan sĩ ba lần, để họ không được có một tình yêu nào khác ngoài Đức Kitô (Tu Luật 4, 21; 5, 1-2; 72, 11), cho thấy tư tưởng

của tác giả về mục đích đời đan tu là Đức Kitô, người mà mỗi đan sĩ phải yêu say đắm và tìm kiếm không ngừng.

34. Lectio divina trong truyền thống Biển Đức- Xitô có quan trọng đối với chúng ta ngày nay?

Ngay từ ban đầu, Lectio divina đã là tâm điểm của đời đan tu. Nó được coi như yếu tố căn bản và là của ăn nuôi dưỡng đời sống cầu nguyện.

Lectio divina đòi hỏi một sự huấn luyện thích hợp, và một số điều kiện, để có thể là một việc đọc như cầu nguyện cách an bình và chuyên cần. Với những phẩm chất ấy, Lectio divina giúp đan sĩ càng ngày càng trở nên “người của Chúa”, để cảm nghiệm cách rõ ràng sự hiện diện của Chúa và thánh ý Ngài.

35. Đối với thánh Biển Đức, đâu là những văn bản chính làm nền tảng cho Lectio divina của đan sĩ?

Theo truyền thống của Giáo hội, thánh Biển Đức dành ưu tiên cho Thánh Kinh (Lời Chúa), cách riêng học hỏi Thánh Vịnh và những lời diễn giải của các Giáo phụ (Tu Luật 9; 42; 73).

36. Tại sao đan sĩ phải cầu nguyện thường xuyên?

Khi suy niệm Lời Chúa, Ngài sẽ tỏ mình cho ta, cũng như khi cầu nguyện (chung hay riêng), tâm trí hướng về Chúa, là ta đáp lại Lời Ngài. Như thế ta có thể tìm được nguồn suối cảm hứng cho mọi hành động của mình, đồng thời có thể kiểm chứng và chỉnh sửa hướng đi của đời ta cách thường xuyên hơn.

37. Ta có thể nói rằng đan sĩ sống linh đạo phụng vụ?

Các đan sĩ được mời gọi để tiếp tục lời cầu nguyện của Đức Kitô trong lòng Giáo hội, theo truyền thống đan tu và Giáo huấn của Giáo hội yêu cầu. Vì thế, việc cử hành Thánh lễ và đọc kinh Thần vụ phải được ưu tiên hơn trong mọi hình thức cầu nguyện và sinh hoạt khác. Nó phải là một linh đạo được thấm nhập vào cuộc sống từng đan sĩ.

38. Đan viện là một trường học phụng sự Thiên Chúa, vậy ta phải dạy và học làm sao?

Đan viện là một trường học phụng sự Thiên Chúa (TL. Lời mở 45), nơi đó chính Đức Kitô là Thầy, tất cả mọi người đều là môn sinh. Việc dạy và học trong đan viện để đan sĩ đào sâu sự hiểu biết về phụng vụ, mà chính Chúa Giêsu đã làm cách cụ thể, để ta noi gương Người.

Nơi trường học này mỗi người có một công việc khác nhau nhưng để bổ túc cho thân thể màu nhiệm Chúa Kitô là Giáo hội hoặc cộng đoàn.

Cha Tô Phụ Henri Denis Biển Đức Thuận cũng đã dạy chúng ta: “Nhà dòng là trường học làm tôi Chúa”. Khác với trường đời, không phải để học hành, để làm vườn, nhưng vào đây để nên thánh mà thôi, bỏ nét xấu, thói hư (Di Ngôn, số 138). Ở nhà dòng thì bề trên cũng như kẻ mới vào, lo tìm Chúa, yêu thương anh em (Di Ngôn, số 140).

39. Thánh phụ Biển Đức đã chỉ định tầm quan trọng của việc học và huấn luyện ở đâu?

Cha thánh Biển Đức thường xuyên khuyến khích chúng ta học hỏi Thánh Vịnh và đọc sách, như một cách thế để nuôi nấng đời sống chúng ta, bằng việc huấn luyện vững chắc, tốt đẹp, bằng cách chỉ cho chúng ta cả những cách thức để chu toàn cách đúng đắn nhất (Tu Luật 8, 3; 38; 42; 48; 49; 53 và 58).

40. Ai là người chịu trách nhiệm chính trong việc huấn luyện?

Bề Trên là người được coi như thay mặt Đức Kitô trong đan viện, là người cha của cả gia đình đan tu, vì

thể ngài là người điều hành việc huấn luyện tinh thần và trí tuệ. Chính vì vậy ngài phải xem việc huấn luyện các thành viên trong đan viện như một quyền lợi và một trách nhiệm.

Khi viện phụ không thể tự đảm nhiệm công việc này, thì phải chọn người có khả năng tương xứng để chu toàn trách nhiệm quan trọng này, dưới sự hướng dẫn của mình. Khi chọn người giúp việc huấn luyện, viện phụ phải kiên quyết, chỉ chọn những đan sĩ đạo đức, nhiệt tình với sứ vụ, đã được huấn luyện đầy đủ về các môn thần học, có những đức tính nhân bản phù hợp (Tu Luật 2; 64; Ratio Institutionis, 20).

41. Tu Luật thánh Biển Đức lưu ý các vị hữu trách điều gì?

Thưa, chương 58 nói về “Cách Thức Nhận Anh Em”, cha thánh Biển Đức nhắc nhở: “Phải trải nghiệm xem các tập sinh của mình: có thực tâm tìm Chúa, có mộ mến Thần vụ, có yêu mến vâng lời và có ham chuộng si nhục không” (Tu Luật 58, 7).

42. Một đan sĩ phải hiểu ý niệm về sự hoàn thiện như thế nào, để hành trình huấn luyện của mình được diễn tiến cách hợp lý?

Thánh Biển Đức nói về sự hoàn thiện ở chương 73, và chỉ nói có một lần, để cho thấy rằng Luật dòng được viết cho những người mới bắt đầu, như đã nói: “Cha viết bản Tu Luật này, để khi chúng ta tuân giữ trong đan viện mới chứng tỏ mình có một đời sống lương thiện phần nào hoặc mới bắt đầu vào đời tu. Còn ai muốn mau chóng đạt tới đỉnh trọn lành của đời tu, thì đã có giáo huấn của các Thánh phụ, phàm ai tuân giữ giáo huấn này, ắt sẽ đạt tới đỉnh hoàn thiện” (Tu Luật 73, 1-2).

Như vậy, ý tưởng hoàn thiện, còn hơn là một mục đích, bày tỏ một con đường vạch ra luôn cậy dựa vào ơn Chúa (Tu Luật 50; 4, 74).

43. Đến bao giờ chúng ta mới đạt tới sự trọn lành?

Chúng ta biết rằng đan sĩ là người đi tìm Chúa, vì Chúa đã đi tìm anh trước. Người đan sĩ đi tìm Chúa suốt cuộc đời và chỉ thấy được Ngài vào giờ sau hết. Còn bây giờ họ chỉ được tham dự vào cuộc khổ nạn của Chúa bằng sự kiên nhẫn, để thông chia sự hoàn thiện của Nước Trời (Tu Luật 4, 74). Vì thế mà thánh Biển Đức viết luật cho những người mới bắt đầu đời đan tu, để không bao giờ họ được thất vọng về lòng thương xót của Chúa trong việc tìm kiếm Ngài.

44. Tu Luật ch.48 thánh Biển Đức muốn nói gì?

Chương 48 của Tu Luật thánh Biển Đức nói về công việc hàng ngày. Chương này được linh ứng bởi sách Huấn Ca “Nhàn rỗi là kẻ thù của linh hồn”. Đối với thánh nhân, việc làm không chỉ là một liều thuốc cho sự nhàn rỗi, ngài còn ca tụng việc làm khi nói rằng anh em chỉ thật sự là đan sĩ, khi sống bởi công việc do chính tay mình làm nên, theo gương tổ phụ và các Tông đồ xưa (Tu Luật 48, 8).

45. Theo Tu Luật thánh Biển Đức, vâng lời được ứng dụng đối với ai?

Đức vâng lời được ứng dụng không chỉ với viện phụ mà còn đối với mọi anh em nữa (Tu Luật 71, 1).

Một đan sĩ phải biết vâng lời Thiên Chúa và mọi người. Theo thánh Biển Đức, để vâng lời thì phải biết lắng nghe, lắng nghe không chỉ có tai xác thịt mà bằng cả “tai lòng” mà thực hiện cho bằng được:

- a) Vâng lời Chúa và Đức Kitô: TL. Lời mở 1-3 và ch. 5, 1-4. 14-15; 7, 31-32.
- b) Vâng lời viện phụ: Tu Luật 3, 5-6; 4, 61.
- c) Tuân giữ luật dòng: Tu Luật 62, 4 và 11.
- d) Vâng lời nhau: Tu Luật 71, 1-4; 72, 6.

46. Đâu là những nét đặc trưng của lời khấn Vâng phục theo Tu Luật thánh Biển Đức?

a) Vâng phục là lắng nghe (TL. Lời mở 1-3). Nghe với tất tâm lòng, nghĩa là đem ra thực hành. Ở đây, vâng phục nghĩa là nghe và thực hành, có một tương quan chặt chẽ giữa nghe và vâng phục (Tu Luật 5, 5).

b) Tuân phục là khước từ chính mình: từ bỏ ý riêng. Điều này chúng ta tìm thấy ở Lời mở 3; Tu Luật 4, 60-61; 5, 7-8 và 12. Đan sĩ từ bỏ ý riêng để theo Chúa Kitô (TL. Lời mở 3), và ước ao một viện phụ biết dùng huấn lệnh của Chúa mà dạy bảo. Các huấn lệnh này đòi buộc mọi đan sĩ phải tuân theo (Tu Luật 2, 4-6).

c) Vâng phục là dẫn thân bằng cả con người (TL. Lời mở 40; ch. 2, 17 và 21). Không phải chỉ là kiểu thực hành câu nệ hình thức bên ngoài, nhưng với tất cả tâm lòng yêu mến; vì Thiên Chúa thấu hiểu tận đáy lòng chúng ta (Tu Luật 5, 17-18).

d) Vâng nghe là một con đường đến với Thiên Chúa (TL. Lời mở 12; ch. 5, 7-11; 43, 1-3).

47. Bạn có tin rằng, đối với thánh Biển Đức vâng lời có là một con đường dễ dàng không?

Đối với thánh Biển Đức, đan sĩ đến với Thiên Chúa bằng con đường vâng phục không phải chuyện

để. Ngài công nhận, đó là một việc khó khăn và chua chát (Tu Luật 58, 8).

48. Đâu là những yêu sách tiêu biểu cho đức vâng lời ở thời đại này?

Đức vâng lời của người đan sĩ, cả khi chỉ là thi hành lệnh bề trên về mặt vật chất, nó cũng luôn hướng tới Thiên Chúa, như một cử chỉ của con người tự do, có trách nhiệm về hành động của mình. Những điều kiện mới của thời đại chúng ta đòi hỏi sự canh tân những hình thức điều khiển và vâng phục; kể cả những tương quan giữa bề trên và anh em trong cộng đoàn.

Các bề trên không nên ra chỉ thị mà không tham khảo ý kiến những người thành thạo trong những vấn đề liên hệ, và hội ý với anh em. Các ngài cũng phải luôn cởi mở đón nhận những gợi ý này. Bề trên cần biết lắng nghe anh em. Quyền hành của các ngài phải đủ cứng rắn để quyết định và thi hành những gì phải làm.

Về phía mình, các đan sĩ nên đưa ý kiến trong sự kính trọng về nhân phẩm cũng như những phán đoán của người khác. Phải đặt ý kiến của mình trên những cơ sở hợp lý, chứ không chỉ theo ý riêng.

49. Lời khấn bền đỗ muốn ta dân thân cho cái gì?

Đối với thánh Biển Đức “bền đỗ” là một từ phức tạp, nó bao hàm ý niệm về cộng đoàn: về luật dòng, về sự hướng dẫn của viện phụ, về thái độ sống, về đan viện, về đức vâng lời, về lòng kiên trì và trung thực. Mục đích là *đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa và nhắm tới đời sống huynh đệ*. Đây cũng chính là ý nghĩa nội vi của đan viện, của sự ngăn cách với thế gian mà các đan sĩ không cần phải phân tán ở bên ngoài, vì đó là điều bất lợi cho linh hồn mình (Tu Luật 66, 7).

50. Các đan sĩ Biển Đức - Xitô có phải sống bền đỗ trong một cộng đoàn không?

Thưa có, bởi vì lời khấn, đan sĩ gắn kết với cộng đoàn và biết rằng Đức Kitô hiện diện cách đặc biệt trong đan viện. Ngài hiện diện bất cứ nơi nào có hai hay ba người hội họp nhân danh Ngài.

Sự bền đỗ của chúng ta là ở trong đức bác ái huynh đệ, rất được các Đấng sáng lập Xitô quý chuộng và các ngài chọn làm châm ngôn sống: Chúng ta hãy sống cùng nhau trong cùng một đức ái và một tu luật. Trong trường học đức ái này ngay cả những yếu đuối của ta cũng là cơ hội để mình tiến triển trong tình yêu, nhờ gương sáng và những lời khuyên nhủ của các anh (chị) lôi kéo chúng ta cách hữu hiệu đến với Chúa.

51. Việc hoán cải hệ tại điều gì, và những lời khẩn nào được gói ghém trong đó?

Việc hoán cải hệ tại thái độ mà đan sĩ phải sống cho phù hợp với bản chất của mình: là một tín hữu được thánh hiến triệt để cho việc phụng sự Đức Kitô. Từ này theo thánh luật Biền Đức có nghĩa là cách cư xử, là thái độ sống. Những lời chỉ dẫn của Lời mở bản Luật chỉ là khởi đầu của một chuỗi những việc hoán cải, để ta thấu đáo cách ứng xử và hành động riêng của đan sĩ (TL. Lời mở 38).

Bên trong lời tuyên hứa hoán cải này gói ghém các lời khẩn truyền thống như Khó nghèo và Khiết tịnh, thánh Biền Đức đã không nói rõ về hai lời khẩn này như chúng ta khẩn hiện nay.

52. Tại sao ta phải thực thi đức khó nghèo?

Chúng ta thực thi đức khó nghèo không phải đơn giản chỉ vì muốn sống thiếu thốn, hay vì khinh chê những của cải vật chất. Nhưng là để có được sự tự do của con cái Chúa, để sử dụng của cải thế gian như chẳng hề dùng, vì biết rằng bộ mặt của thế gian này đang qua đi.

Chính vì thế mà chúng ta ao ước trở nên nghèo khó với Đức Kitô khó nghèo, từ bỏ quyền sở hữu và quyền tích trữ của cải, có như thế chúng ta mới thực sự là môn đệ của ngôi trường Giáo hội sơ khai. Ở trong ngôi trường này không ai cho là của mình những gì thuộc về mình, mà tất cả đều là của chung. Bằng cách ấy, tâm hồn chúng ta thoát khỏi mọi lo lắng vật chất, nhằm đạt được một “kho tàng” quý báu đó là Đức Kitô và Giáo hội của Người (PC 13).

53. Lời khẩn khiết tịnh hệ tại điều gì?

Tình nguyện và chấp nhận sống khiết tịnh vì Nước Trời, không chỉ là từ bỏ hôn nhân và những niềm vui của đời sống gia đình tự nhiên. Mà còn phải làm cho mình được tự do hơn, để lo công việc của Chúa và của Giáo hội, bằng trọn năng lực thể lý và tâm lý của chúng ta nữa. Bởi lời khẩn dòng, ta muốn mình chứng cách trực tiếp và sâu sắc cho niềm hy vọng Kitô hữu vào sự sống đời đời, trong đó con người sẽ chẳng còn lập gia đình nữa. Vì thế sống độc thân là một dấu chỉ tối hậu cho cuộc sống đời sau.

54. Cộng đoàn tu nào có trước cộng đoàn đan tu Kitô giáo, ví dụ?

Đó là cộng đoàn Esséniens sinh sống ở Qumrân. Là một trong những cộng đoàn sống đời khắc khổ ở gần vùng Biển Chết. Họ đặt nền tảng cuộc đời trên việc hoán cải và chờ đợi Đấng Cứu Thế, như các Ngôn sứ đã tiên báo trong Thánh Kinh. Ta có thể nói rằng họ đã sống đời tu Esséniens rất giống với lối sống sau này của đời tu Kitô giáo. Tuy nhiên chúng ta vẫn chưa thể xác quyết được gì về mối liên hệ giữa hai bên.

55. Lối tu nào đã có trước Luật Biển Đức?

Những hình thức đan tu đã có từ buổi sơ khai của Giáo hội, như lối sống của những người tuyên xưng đức tin và những người đồng trinh, đã được xem như một cách “tu tại gia”. Vào thế kỷ thứ III, ngoài hình thức này còn xuất hiện trong Giáo hội hoàn vũ các vị ẩn tu, và khổ tu từ thế kỷ thứ IV. Các Tu Luật được viết ra để tổ chức những viện tu và truyền lại những kinh nghiệm của các tổ phụ về đời sống thiêng liêng.

56. Chương nào trong Tu Luật Biển Đức có những qui chiếu về đời sống của các tổ phụ ẩn tu trong sa mạc?

Trong chương 73, chương cuối cùng của tu luật, thánh Biển Đức nói về truyền thống mà các tổ phụ ẩn

tu trong sa mạc đã để lại cho chúng ta qua cuộc sống, gương sáng và những giáo huấn của các ngài.

57. Đặc sủng nào là cá biệt của các tổ phụ sa mạc?

Một vài đặc sủng nổi bật của các tổ phụ nơi sa mạc là: ơn phân định *thiên thiêng*, sức mạnh của lòng *kiên nhẫn*, sự dịu dàng của *lòng nhân từ*, *sự khôn ngoan của tư tưởng*. Như đã thực hiện việc nhập thể của mình vào Tin Mừng, các vị ấy đã để lại cho môn sinh những tấm gương sống động, chuẩn bị cho họ theo những linh hứng của Chúa Thánh Thần trong lời cầu nguyện.

58. Tu Luật Biển Đức cắt nghĩa chức vụ của viện phụ thế nào?

Theo thánh luật, viện phụ giữ chỗ của Đức Kitô (Tu Luật 2, 2), một hình ảnh sống động giữa cộng đoàn. Ngài là vị chủ tọa (Tu Luật 2, 1.11; 64, 8). Dưới quyền của Tu luật, viện phụ phải là người đầu tiên trung thành giữ Luật (Tu Luật 64, 20), làm gương cho các môn sinh khao khát đi đến với Thiên Chúa, một tấm gương cụ thể.

Viện phụ lấy quyền của mình từ chính Luật Dòng để sửa dạy anh em (Tu Luật 2, 23-25), luôn theo thể

thức của Thánh Kinh (Tu Luật 64, 12-13; Is, 42, 5; Mt 12, 20). Người phải hành động như một lương y tốt (Tu Luật 27-28). Chúng ta có thể khẳng định rằng quyền hành của viện phụ luôn dính liền với tình huống của cộng đoàn, qui chiếu vào sự bình an và lợi ích chung, để mọi người được cứu độ.

Viện phụ có một chức vụ quan trọng trong cộng đoàn, tuy nhiên quyền của người không được thi hành cách độc đoán và tùy tiện, nhưng phải luôn trong một tương quan song phương với các anh em đan sĩ. Vì thế viện phụ phải là người khôn ngoan, giàu kinh nghiệm phân định. Trách nhiệm viện phụ quả là một gánh nặng (Tu Luật 64, 7). Viện phụ là vị đại diện Chúa Kitô, là người cha của cộng đoàn. Sự hiện diện của ngài luôn là để phục vụ cho lợi ích chung, ngài là kẻ phục vụ anh em bằng cách nêu gương sáng (Tu Luật 64, 8.21-22).

59. Theo Tu luật thánh Biển Đức, chức vụ viện phụ như một công việc để phục vụ, vậy đối với thánh Biển Đức, phục vụ là điều quan trọng?

Chắc chắn là thế, vì chính thánh nhân đã định nghĩa đan viện là “Trường học phụng sự Thiên Chúa”, cũng là nơi để chúng ta phục vụ Chúa qua anh em (TL. Lời mở 45). Đây chính là tiếng vọng lời đáp của Chúa

cho hai con ông Zébédée trong Tin Mừng Thánh Marcô: “Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ và hiến thân cứu chuộc muôn người” (Mc 10, 35-45), đó cũng chính là nền tảng cho việc thực thi quyền hành trong Giáo hội.

60. *Bạn hãy kể những khoản luật nói về sự phục vụ của đan sĩ.*

- a) Đan sĩ phụng sự Thiên Chúa, là Chúa và là Vua (Tu Luật 19, 3; 61, 10).
- b) Các đan sĩ phục vụ lẫn nhau (Tu Luật 35, 1.6.13).
- c) Trong việc phục vụ các anh em đau ốm (Tu Luật 36, 1.7.10).
- d) Tất cả phục vụ khách (Tu Luật 53, 18).

61. *Bạn thử trình bày một vài nét căn bản về nguồn gốc của dòng Xitô?*

Có thể nói dòng Xitô là kết quả của các cuộc cải tổ từ dòng Biển Đức. Vào năm 1075, Roberto cùng với một số anh em rời bỏ đan viện Cluny (Cluny thuộc Biển Đức, được thành lập năm 910, dưới thời viện phụ Bernone, nhờ dâng cúng Công Tước ở Aquitaine) đi lập một đan viện mới trong khu rừng Molesme (sau

này đặt tên đan viện là Molesme), mục đích sống nghèo triết để và sống đúng với luật Thánh Biển Đức.

Nhưng sự phát triển nhanh chóng cùng với sự giàu sang phú quý của đan viện Molesme đã làm cho ý tưởng sống nghèo của viện phụ Roberto tan vỡ. Do đó, từ đan viện Molesme, viện phụ Roberto, Allberico và Stéphano Hardingo muốn thoát khỏi cảnh giàu sang để trung thành với luật Biển Đức, các ngài đã rời đan viện Molesme (nhà con Cluny) đi lập một đan viện mới với mục đích trở về nguồn, sống nghèo khó đúng với tinh thần luật Biển Đức.

Được sự chấp thuận của Đức Giám mục Hugues thành Lyon, ngày 21 tháng 03 năm 1098, Viện phụ Roberto lúc đó đang là bề trên đan viện Molesme cùng với Allberico, Stéphano Hardingo và 21 đan sĩ khác rời đan viện Molesme đi lập một đan viện mới ở vùng đất mang tên Citeaux về sau lấy chính địa danh này đặt tên cho dòng mới là Citeaux (Xitô) gần Dijon thuộc phần đất của bá tước Beaune và Bourgogne dâng cúng.

62. Tại sao lại gọi là ba Cha Thánh của dòng Xitô?

Khi đã thành lập dòng Xitô, một thời gian ngắn sau đó, viện phụ Robertô phải vâng lời Bề trên (Giám mục) trở về Molesme để chỉnh đốn đan viện này.

Albêricô kế vị Robertô có công củng cố địa vị pháp lý và lập quy chế cho Tân Tu Viện. Ngài qua đời ngày 26-01-1108. Stêphanô được bầu lên kế vị. Cả ba thánh được gọi là Ba Đấng Thánh Sáng Lập của Dòng Xitô.

63. Sao có thêm Cha Thánh Bênadô?

Xitô thực sự khởi sắc và phồn thịnh nhờ sự đóng góp của thánh Bênadô. Dưới thời của ngài, các đan viện Xitô mọc lên khắp Châu Âu. Đến năm thánh nhân qua đời 1153, Dòng Xitô đã có tới 350 đan viện, trong số đó 160 đan viện do chính đan viện Clairvaux của thánh Bênadô hoặc các nhà con của Clairvaux thiết lập. Sự đóng góp của Bênadô thật lớn lao, nên chúng ta cũng gọi ngài là Cha Thánh theo nghĩa đó.

64. Những bước phát triển của Xitô thời sơ khai?

Đến năm 1119 đan viện chính thức đặt tên là Xitô và đặt đan viện dưới sự bảo trợ của Đức Trinh Nữ Maria. Bốn đan viện con đầu tiên của Xitô là: La Ferté lập năm 1113, Pontigny lập năm 1114, Morimond (Bonnevaux) và Clavaux lập năm 1115.

Sau những khó khăn ban đầu, dòng đã phát triển mạnh, đặc biệt vào thời Thánh Bênadô, nhờ sự thánh thiện và tài hùng biện cùng sự khôn ngoan của ngài đã

đưa dòng Xitô đạt tới đỉnh cao của sự thánh thiện. Dòng Xitô còn có ảnh hưởng rất lớn vào thời bấy giờ, dòng đã tham gia vào nhiều lãnh vực quan trọng trong Giáo hội cũng như ngoài xã hội.

65. *Hội Dòng Xitô Thánh Gia được thành lập như thế nào?*

Hội Dòng Xitô Thánh Gia xuất phát từ việc sáng lập đan tu tại Việt Nam, do cha đáng kính Henri Denis Biển Đức Thuận (1880-1933).

Dòng được khai sinh vào ngày 15-8-1918 tại núi Phước Sơn, Quảng Trị (lúc đầu gọi là Dòng Đức Bà Việt Nam), được sáp nhập vào Dòng Xitô thế giới qua quyết nghị của Tòa Thánh ngày 24-5-1934; rồi được chính thức nâng lên bậc Hội dòng do quyết định của Thánh Bộ Tu sĩ và Tu hội đời ngày 6-10-1964.⁴⁴ Hội dòng có tên mới, gọi là Hội Dòng Xitô Thánh Gia, bản mạng vào ngày lễ Thánh Gia Thất.

66. *Đặc sủng, linh đạo và sứ vụ của dòng Xitô Thánh Gia là gì?*

⁴⁴ Hiến Pháp HDXTTG, số 1.

Đặc sủng đan tu Xitô Thánh Gia là “*Đời Tận Hiến Chuyên về Chiêm Niệm*”.⁴⁵ Linh đạo của dòng Xitô thì theo tinh thần thánh Biển Đức, với châm ngôn “*Cầu Nguyện và Lao Động*” (Ora et Labora). Sứ vụ của dòng là cung cấp cho các linh hồn có ơn gọi chiêm niệm những phương thế thích hợp, cầu nguyện cho những người chưa nhận biết Chúa và tiếp đón khách tĩn tâm.⁴⁶

67. Những yếu tố căn bản của ơn gọi Đan tu Xitô Thánh Gia?

Ngoài việc tuân giữ các lời khuyên Phúc Âm: khiết tịnh, khó nghèo và vâng phục, đời sống Hội dòng Xitô Thánh Gia còn có thêm hai lời khấn là “vĩn cư và canh tân đời sống”, được thể hiện qua những yếu tố căn bản của đời đan tu như:

- Giữ luật nội vi và thĩng lặng: Cách biệt xã hội
- Đời sống cầu nguyện: Các Giờ Thần Vụ “Opus Dei” (Tu Luật 8-20), như Kinh phụng vụ và Thánh lễ.
- Giờ đọc sách thiĩng liĩng “Lectio divina” (Tu Luật 48, 49 và 52).

⁴⁵ Tuyên Ngôn, số 3.

⁴⁶ Hiến Pháp HDXTTG, số 2; Tuyên Ngôn, số 4.

- Khổ chế: Chay tịnh và canh thức.
- Đời sống chung: Cộng tu.
- Lao động tay chân (Tu Luật 48).

68. Bạn có cảm nghiệm gì khi sống trong ơn gọi đan tu Xitô ngày hôm nay?

Là thế hệ hậu sinh, ngày hôm nay chúng ta đang thừa hưởng và tiếp nối linh đạo mà các vị tiền bối đã vun trồng. Bản thân có cảm nghiệm rằng, cây đặc sủng, linh đạo và sứ vụ Biển Đức - Xitô không ngừng phát triển và sinh hoa quả dồi dào trong lòng Giáo hội và thế giới. Tuy nhiên, ưu tư là làm thế nào để linh đạo này có tính sống động nhằm trả lời cho những thách đố của con người trong thời đại hôm nay khi mà vật chất đang chiếm ưu thế.

LỜI KẾT:

Chúng ta là những người sống theo Tu Luật thánh Biển Đức, đáng đã nhắc nhở chúng ta không được quý chuộng gì hơn tình yêu Đức Kitô. Ngày hôm nay, Công đồng Vaticanô II vẫn còn lưu ý các dòng chuyên về đời sống chiêm niệm rằng: “Trong những Hội dòng

hoàn toàn chuyên lo chiêm niệm, các tu sĩ chỉ nhất tâm phụng sự một mình Thiên Chúa trong cô tịch và thanh lặng, trong việc chuyên lo cầu nguyện và hoan hỉ hy sinh hãm mình. Họ dâng lên Thiên Chúa hy lễ chúc tụng tuyệt hảo, làm vẻ vang dân Thiên Chúa bằng những hoa trái thánh thiện dồi dào, lấy gương lành lôi cuốn và làm cho dân ấy thêm lớn mạnh bằng việc tông đồ tuy âm thầm nhưng phong phú.

Khi nhìn lại lịch sử hình thành và phát triển linh đạo Dòng Xitô, chúng ta thấy các vị tiến bối đã góp một phần rất lớn cho sự tồn tại và phát triển Giáo hội cũng như xã hội. Công đức của các ngài đã làm đổi mới bộ mặt thế giới Châu Âu. Hôm nay, là những thế hệ con cháu, cách riêng các đan sĩ Xitô Thánh Gia, làm sao chúng ta thể hiện tính thực tiễn của linh đạo dòng mình cho phù hợp với bối cảnh hiện tại, ngõ hầu làm vinh danh Chúa, vẻ vang Giáo hội và mưu ích cho các linh hồn trong hoàn cảnh hiện nay. Thiết tưởng đó là những thách đố để chúng ta cùng suy nghĩ và cộng tác với nhau trong thời gian tới. Amen!

SÁCH THAM KHẢO

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Đời Sống Thánh Hiến* (Vita Consecrata, 1996).

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, *Tông Huấn Giáo Hội tại Á Châu* (Ecclesia in Asia, năm 2000).

Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Giáo Lý về Giáo Hội*, Bài 7: Đặc Sủng (Charisms) thứ Tư 1/10/2014.

Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, *Bài nói chuyện với một số Tu sĩ*, ngày 31/3/1969, trong AAS 61 (1969).

Đoàn Thiệu, OP., *Lược Sử Linh Đạo Kitô Giáo*. 1996.

Futrell, J.C., *Discovering the Founder's charism*, in The Way Supplement 14 (1971).

Hiến Pháp và Tuyên Ngôn của Hội Dòng Xitô Thánh Gia, 1998.

Marcello Azevedo, SJ. *Vocation for Mission- The Challenge of Religious Life Today*. New York: Paulist Press, 1988.

Nguyễn Hữu Tấn, *Lịch Sử Linh Đạo*, ĐCV Thánh Giuse, 1999,

Nguyễn Thái Hợp, O.P., *Nhập Môn Lịch Sử Linh Đạo*, 2003.

Phan Tấn Thành, *Đời Sống Tâm Linh*, tập II. Roma, 2002.

Phan Tấn Thành, *Giải Thích Giáo Luật Quyển 2-Dân Thiên Chúa*, tập 3 và 4, Các Hội Dòng Tận Hiến và các Tu Đoàn Tông Đồ. Rôma, 1993.

Tu Luật Thánh Biển Đức.

Vaticano II, *Sắc Lệnh về Truyền Giáo* (Ad Gentes, năm 1965).

Vaticanô II, *Sắc Lệnh về việc Canh Tân Thích Nghi Đời Sống Dòng Tu* (Perfectae Caritatis, năm 1965).

Vinh Sơn Trần Văn Bằng, O.Cist., *Linh Đạo Đan Sĩ: Tìm Chúa*. 1996.

CHỮ VIẾT TẮT

- AG:** Sắc Lệnh về Truyền Giáo
- CD:** Sắc Lệnh về Chức vụ Giám Mục
- DN:** Di Ngôn Cha Biển Đức Thuận
- ĐGH:** Đức Giáo Hoàng
- EA:** Tông Huấn Giáo Hội tại Á Châu
- EE:** Văn kiện Những Yếu tố Cốt yếu của Đời tu
- ET:** Tông Huấn Chứng Tá Tin Mừng
- FLC:** Đời Sống Huynh Đệ Trong Cộng Đoàn
- GL:** Giáo Luật Giáo Hội Công Giáo.
- GLHTCG:** Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo
- HDXTTG:** Hội Dòng Xitô Thánh Gia
- LG:** Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội
- MR:** Văn Kiện Mỗi Tương Quan giữa các Giám Mục với các Tu Sĩ
- PC:** Sắc Lệnh về Canh Tân Thích Nghi Dòng Tu
- RM:** Thông Điệp Sứ Vụ Đáng Cứu Chuộc
- TL :** Tu Luật Thánh Biển Đức
- VC:** Tông Huấn về Đời Sống Thánh Hiến.